

**SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NGHỆ AN
TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**BÁO CÁO KHOA HỌC NHIỆM VỤ
KHẢO SÁT DỰ LUẬN VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG NÔNG
THÔN MỚI TẠI CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG
ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH
NGHỆ AN HIỆN NAY**

NGHỆ AN, 11/2023

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	0
DANH MỤC CÁC BẢNG	2
CÁC THÀNH VIÊN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ	3
PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG	1
1. Sự cần thiết	1
2. Mục tiêu của nhiệm vụ	3
3. Đối tượng và phạm vi điều tra, nghiên cứu	3
4. Nội dung điều tra, nghiên cứu	3
5. Phương pháp nghiên cứu	4
PHẦN II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	7
CHƯƠNG I. TỔNG QUAN KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TỈNH NGHỆ AN	7
1.1. Kết quả xây dựng nông thôn mới vùng dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn tỉnh Nghệ An	7
1.1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện chương trình nông thôn mới	7
1.1.2. Kết quả thực hiện chương trình nông thôn mới tại tỉnh Nghệ An.	8
1.2. Tác động của các cơ chế chính sách đến kết quả xây dựng nông thôn mới vùng dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn.	11
1.3. Những khó khăn, bất cập trong xây dựng nông thôn mới vùng dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn.....	13
CHƯƠNG II. KẾT QUẢ KHẢO SÁT DƯ LUẬN XÃ HỘI VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH NGHỆ AN HIỆN NAY	16
2.1. Thông tin chung về các hộ tham gia khảo sát	16
2.2. Tư duy, tâm thế của đội ngũ cán bộ và người dân trong xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới	17
2.2.1. Nhận thức và sự tham gia, đóng góp của cán bộ và người dân xây dựng Nông thôn mới.....	17

2.2.2. Đánh giá tác động sự thay đổi chính sách hỗ trợ của nhà nước sau khi các xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới	24
2.3. Tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng nông thôn mới	29
2.4. Một số kết quả và vấn đề đặt ra trong thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các địa phương.....	33
2.5. Nhu cầu, nguyện vọng của đội ngũ cán bộ và người dân về cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới	43
CHƯƠNG III. GIẢI PHÁP THúc ĐẨY XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH NGHỆ AN TRONG THỜI GIAN TỚI.	48
3.1. Một số giải pháp thúc đẩy xây dựng nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An trong thời gian tới	48
3.1.1. Giải pháp về xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới.....	48
3.1.2. Giải pháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức, hiểu biết của người dân về xây dựng nông thôn mới và từng bước xóa bỏ tâm lý trông chờ, ỷ lại.....	49
3.1.3. Giải pháp hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn.....	49
3.1.4. Giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng các mô hình sinh kế, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân.....	50
3.1.5. Giải pháp về đẩy mạnh chính sách hỗ trợ tín dụng.....	50
3.1.6. Giải pháp về huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới.....	51
3.1.7. Giải pháp xây dựng tiêu chí nông thôn mới ở thôn, bản vùng DTTS và miền núi đặc biệt khó khăn.....	51
3.1.8. Giải pháp khác.....	52
3.2. Một số kiến nghị, đề xuất	51
TÀI LIỆU THAM KHẢO	54
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Viết tắt	Nguyên nghĩa
1	BHYT	Bảo hiểm y tế
2	DTTS và MN	Dân tộc thiểu số và miền núi
3	ĐBKK	Đặc biệt khó khăn
4	HĐND	Hội đồng nhân dân
5	MTQG	Mục tiêu Quốc gia
6	NTM	Nông thôn mới
7	SXNN	Sản xuất nông nghiệp
8	UBND	Ủy ban nhân dân
9	XĐGN	Xóa đói giảm nghèo

DANH MỤC CÁC HÌNH

	Trang
Hình 2.1. Sự hiểu biết về chủ trương, nội dung chương trình xây dựng NTM.....	18
Hình 2.2. Hiệu quả huy động nguồn lực từ người dân xây dựng CSHT	20
Hình 2.3. Nội dung người dân tham gia, đóng góp xây dựng NT tại các địa phương.....	21
Hình 2.4. Tính phù hợp của việc cắt giảm cơ chế chính sách hỗ trợ của nhà nước so với thực tiễn tại các xã ĐBKK (xã đạt chuẩn NTM)...	25
Hình 2.5. Tính phù hợp của việc cắt giảm cơ chế chính sách hỗ trợ của nhà nước so với thực tiễn tại các xã ĐBKK (xã chưa đạt chuẩn NTM).....	27
Hình 2.6. Sự thay đổi cơ chế chính sách đến việc xây dựng và phân đấu về đích NTM tại các xã ĐBKK (xã chưa đạt chuẩn NTM).....	28
Hình 2.7. Công tác duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM tại các địa phương (xã đạt chuẩn NTM)	34
Hình 2.8. Kết quả xây dựng NTM của địa phương so với khi chưa thực hiện chương trình (xã đạt chuẩn NTM)	35
Hình 2.9. Kết quả xây dựng NTM của các địa phương hiện nay so với kỳ vọng (xã đạt chuẩn NTM).....	36
Hình 2.10. Kết quả xây dựng NTM tính đến hiện nay của các địa phương (xã chưa đạt chuẩn NTM)	37
Hình 2.11. Kết quả xây dựng NTM của các địa phương so với khi chưa thực hiện chương trình (xã chưa đạt chuẩn NTM)	38
Hình 2.12. Kết quả xây dựng NTM của xã hiện nay so với kỳ vọng (xã chưa đạt chuẩn)	39
Hình 2.13. Mức độ khó khăn đối với việc hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng NTM tại các địa phương (xã chưa đạt chuẩn NTM).....	40
Hình 2.14. Các khó khăn trong thực hiện các tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn NTM	41
Hình 2.15. Thời gian được tiếp tục hưởng cơ chế chính sách của nhà nước sau khi xã về đích NTM.....	43

DANH MỤC CÁC BẢNG

Trang

Bảng 2.1.	Kết quả xây dựng NTM tại các địa phương (xã đạt chuẩn NTM)...	22
Bảng 2.2.	Kết quả xây dựng NTM tại các địa phương (xã chưa đạt chuẩn NTM).....	23
Bảng 2.3.	Mức độ ảnh hưởng của thay đổi chính sách khi không còn sự hỗ trợ của nhà nước (xã đạt chuẩn NTM).....	26
Bảng 2.4.	Mức độ ảnh hưởng của thay đổi chính sách khi không còn sự hỗ trợ của nhà nước (xã chưa đạt chuẩn NTM).....	29
Bảng 2.5.	Tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng NTM.....	30
Bảng 2.6.	Tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng NTM (xã chưa đạt chuẩn NTM).....	31

CÁC THÀNH VIÊN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

TT	Họ và tên, học hàm học vị	Vị trí công tác	Nội dung công việc tham gia
1	CN Nguyễn Thị Hiền	Nghiên cứu viên, Trung tâm KHXH & NV	Chủ nhiệm nhiệm vụ
2	Th S Nguyễn Thị Minh Tú	Giám đốc, Trung tâm KHXH & NV	Lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra công tác thực hiện
3	Th S Nguyễn Văn Hằng	Phó chánh văn phòng, VP điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh	Phối hợp chỉ đạo, kiểm tra công tác thực hiện
4	Th S Phan Hồng Hải	Phó giám đốc, Trung tâm KHXH & NV	Thành viên
5	CN Nguyễn Thị Kim Trung	Nghiên cứu viên, Trung tâm KHXH & NV	Thành viên
6	Th S Hoàng Đình Ngọc	TP Kế hoạch - Tổng hợp, VP điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh	Thành viên
7	KS Nguyễn Bá Việt	CB Kế hoạch - Tổng hợp, VP điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh	Thành viên
8	TS Trần Thị Thanh Tâm	Giảng viên, Trường Kinh tế, Đại học Vinh	Thành viên

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Sự cần thiết

Khu vực miền núi Nghệ An trải rộng trên địa bàn 11 huyện, thị với diện tích tự nhiên gần 1,4 triệu ha, chiếm 84% diện tích toàn tỉnh; dân số khoảng hơn 1,2 triệu người, chiếm hơn 36,6% dân số toàn tỉnh, trong đó khoảng 38,9% là đồng bào dân tộc thiểu số. Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025; tỉnh Nghệ An có 55 xã khu vực I (xã bước đầu phát triển), 76 xã khu vực III (xã đặc biệt khó khăn) và không có xã khu vực II (xã còn khó khăn). Các xã khu vực III, II khi được công nhận đạt chuẩn Nông thôn mới (NTM) sẽ được xác định là xã khu vực I; theo đó các xã này không còn thụ hưởng các chính sách đối với thôn, xã đặc biệt khó khăn.

Xây dựng nông thôn mới là một trong 3 chương trình Mục tiêu quốc gia được kỳ vọng góp phần chuyển đổi nền nông nghiệp, nâng cao chất lượng sống cho nông dân và người dân nông thôn. Nghệ An xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng ủy, chính quyền các cấp với tinh thần đổi mới, sáng tạo, chủ động, vận dụng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Sau hơn 12 năm triển khai thực hiện, xây dựng NTM đã thực sự trở thành phong trào mạnh mẽ, rộng khắp trong toàn tỉnh, được cả hệ thống chính trị vào cuộc và đông đảo nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, tích cực tham gia; cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư xây dựng; diện mạo nông thôn ngày càng khang trang, sạch, đẹp hơn. Theo báo cáo của Văn phòng điều phối chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tỉnh, tính đến nay, toàn tỉnh Nghệ An có 309/411 xã được công nhận đạt chuẩn NTM (đạt 75,18%); 54 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (đạt 17,48%) và 06 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (đạt 1,94%); có 8 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ/ đạt chuẩn NTM (TP Vinh, TX Thái Hòa, Nam Đàn, Yên Thành, Nghi Lộc, TX Hoàng Mai, Quỳnh Lưu, Đô Lương); huyện Diễn Châu đã hoàn thiện hồ sơ đang trình Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM năm 2022; bình quân tiêu chí cả tỉnh là 16,88 tiêu chí/ xã; có 197 thôn, bản đạt chuẩn NTM (không thuộc xã đạt chuẩn NTM); có 403 sản phẩm được xếp hạng đạt tiêu chuẩn OCOP 3 sao trở lên.

Tuy nhiên, kết quả xây dựng NTM còn chênh lệch giữa vùng đồng bằng và miền núi, nhất là những nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống. Đến nay, trong tổng 309 xã đạt chuẩn NTM toàn tỉnh, có 94 xã vùng miền núi đạt chuẩn chiếm 30,42% (trong đó có 10 xã thuộc chương trình 30a của các huyện Kỳ Sơn, Tương Dương, Quỳnh Châu, Con Cuông) và 69,58% còn lại là các xã thuộc các huyện đồng bằng. Các xã đạt chuẩn NTM khu vực miền núi chủ yếu tập trung ở những huyện miền núi thấp, những xã có điều kiện thuận lợi, ven thị trấn, trung tâm huyện có điều kiện phát triển kinh tế, dân trí cao, thu nhập ổn định. Những huyện vùng miền núi cao, các xã vùng sâu khó khăn số tiêu chí đạt được theo bộ tiêu chí quốc gia rất thấp; huyện Quế Phong hiện đang “trắng” xã NTM, huyện Kỳ Sơn mới có 1/20 xã đạt chuẩn NTM, huyện Quỳnh Châu mới có 2/12 xã đạt chuẩn NTM... Như vậy, cả tỉnh còn hơn 100 xã chưa đạt chuẩn NTM, chủ yếu tập trung ở 11 huyện miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, điều kiện kinh tế người dân còn khó khăn, hệ thống giao thông cần đầu tư lớn - đây là tiêu chí cần nhiều nguồn lực nhất trong xây dựng NTM.

Trong kế hoạch thực hiện chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2025, đến năm 2025 có ít nhất 340 xã đạt chuẩn NTM, tương đương 82,7% số xã toàn tỉnh; đây là một bài toán khó đối với các xã miền núi trong xây dựng NTM. Xây dựng NTM miền núi Nghệ An vững mạnh toàn diện vừa là yêu cầu, nguyện vọng của đồng bào các dân tộc, vừa là nhiệm vụ quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh lâu dài của tỉnh.

Thực tiễn xây dựng nông thôn mới tại khu vực miền núi đã và đang gặp rất nhiều khó khăn do: địa hình rộng, hệ thống giao thông nông thôn kéo dài; đời sống bà con còn khó khăn, thu nhập còn thấp nên đóng góp cùng với Nhà nước thực hiện các công trình xây dựng NTM hạn chế; nhận thức của một bộ phận người dân chưa cao, còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước... Đối với các xã đặc biệt khó khăn, ngay cả những xã đã được huyện chọn xây dựng NTM chính quyền và người dân địa phương không tránh khỏi những trăn trở, lo lắng. Đặc biệt là việc cán bộ, người dân bị cắt giảm các chính sách đặc thù của nhà nước đối với xã khu vực III sau khi đạt chuẩn NTM.

Để nắm bắt được tư duy, tâm thế của đội ngũ cán bộ và người dân trong xây dựng xã đạt chuẩn NTM và thu thập các nhu cầu, đề xuất trong và sau khi về đích NTM tại các xã đặc biệt khó khăn; từ đó giúp các cấp, các ngành có thêm nguồn dữ liệu và đề ra những biện pháp trợ lực cần thiết, phù hợp trong công tác

xây dựng NTM tại các xã đặc biệt khó khăn của tỉnh. Năm 2023, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn phối hợp với Văn phòng điều phối chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tỉnh Nghệ An triển khai thực hiện nhiệm vụ: “*Khảo sát dự luận về công tác xây dựng nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An hiện nay*”.

2. Mục tiêu của nhiệm vụ

Thu nhận, nắm bắt ý kiến đánh giá về công tác xây dựng nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi của đội ngũ cán bộ và người dân (từ nhận thức tư tưởng đến hành động; nhận diện yếu tố thuận lợi và khó khăn; nắm bắt nhu cầu, nguyện vọng trong xây dựng xã nông thôn mới). Từ kết quả tổng hợp, phân tích dữ liệu nghiên cứu sẽ giúp Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh kịp thời có các kiến nghị, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền ban hành, điều chỉnh các chính sách phù hợp, hiệu quả với công tác xây dựng NTM đối với các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh trong những năm tiếp theo.

3. Đối tượng và phạm vi điều tra, nghiên cứu

3.1. Đối tượng điều tra, nghiên cứu

Có 2 nhóm đối tượng: (1) Người dân - chủ thể trực tiếp tham gia và thụ hưởng lợi ích từ phong trào xây dựng NTM tại các xã. (2) Cán bộ: Cán bộ quản lý cấp tỉnh, huyện, xã; cán bộ công tác trong Mặt trận, các đoàn thể, chính quyền địa phương và ban cán sự xóm, thôn, bản.

3.2. Phạm vi điều tra, nghiên cứu

- Phạm vi không gian: Dựa trên danh sách xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An phân theo trình độ phát triển giai đoạn 2021 - 2025 (*Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 4/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ*). Lựa chọn các xã mang tính đại diện trong tổng số 76 xã khu vực III và 55 xã khu vực I thuộc 7 huyện: 5 huyện miền núi cao (Con Cuông, Tương Dương, Kỳ Sơn, Quỳnh Châu, Quế Phong) và 2 huyện miền núi (Thanh Chương, Quỳnh Hợp).

- Phạm vi thời gian: Các phân tích từ năm 2010 đến nay, định hướng đến năm 2025.

4. Nội dung điều tra, nghiên cứu

Nhiệm vụ tập trung nghiên cứu, đánh giá các nội dung sau:

(1) Tổng quan kết quả xây dựng nông thôn mới vùng dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn tỉnh Nghệ An.

(2) Dư luận xã hội về công tác xây dựng nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An hiện nay.

- Tư duy, tâm thế của đội ngũ cán bộ và người dân trong xây dựng xã đạt chuẩn NTM:

+ Thăm dò nhận thức và sự tham gia, đóng góp của người dân về xây dựng NTM;

+ Cảm nhận, đánh giá về các cơ chế chính sách hỗ trợ của Trung ương và Tỉnh trong xây dựng NTM (tính phù hợp, sự ảnh hưởng khi chính sách thay đổi...);

- Đánh giá tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng NTM tại các xã địa phương;

- Đánh giá một số kết quả và tồn tại, bất cập trong quá trình triển khai, thực hiện xây dựng NTM tại các địa phương;

- Thu thập ý kiến phản ánh, tâm tư, nguyện vọng và những đề xuất của cán bộ và người dân trong và sau khi đạt chuẩn nông thôn mới;

(3). Kiến nghị, đề xuất một số giải pháp thúc đẩy xây dựng NTM tại các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An trong thời gian tới.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Phương pháp điều tra, thu thập số liệu

a. *Số liệu thứ cấp*: Số liệu thứ cấp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc phân tích đánh giá thực trạng công tác xây dựng NTM tại vùng miền núi tỉnh Nghệ An. Tài liệu được thu thập là các văn bản luật, các quyết định của Chính phủ, các quyết định của tỉnh; các báo cáo từ Trung ương tới địa phương, các báo cáo của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh, Văn phòng điều phối chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tỉnh...

b. *Số liệu sơ cấp*: Số liệu sơ cấp được điều tra từ 1505 hộ dân theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên.

5.2. Phương pháp phỏng vấn bằng bảng hỏi

a) *Thiết kế bảng hỏi*: Bộ phiếu điều tra được xây dựng có tham khảo ý kiến góp ý của các chuyên gia để xây dựng và hiệu chỉnh bảng câu hỏi khảo sát (*Phiếu điều tra kèm phần Phụ lục 2*)

- Mẫu 1 (M1a): Cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ thôn, bản (xã đạt chuẩn NTM);

- Mẫu 2 (M1b): Cán bộ, công chức cấp xã và cán bộ thôn, bản (xã chưa đạt chuẩn NTM);

- Mẫu 3 (M2a): Người dân (xã đạt chuẩn NTM);
- Mẫu 4 (M2b): Người dân (xã chưa đạt chuẩn NTM);

b) Chọn điểm và mẫu điều tra

Vì thời gian và kinh phí có hạn nên cuộc điều tra xã hội học này không thể thăm dò ý kiến đánh giá của tất cả cán bộ và người dân trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh. Vì vậy, cuộc điều tra được thực hiện bằng cách chọn mẫu ngẫu nhiên (phỏng vấn bằng bảng câu hỏi gửi cho các đối tượng điều tra điền thông tin vào mẫu phiếu điều tra). Mẫu khảo sát cũng được phân bổ có chú trọng đến hạn ngạch theo địa phương.

Trong 11 huyện miền núi của tỉnh, chọn chủ đích 7 huyện đồng thời có xã khu vực III và xã khu vực I (vốn là xã khu vực III, khu vực II sau khi đạt chuẩn NTM) trên địa bàn tỉnh để tiến hành điều tra, thu thập thông tin gồm: Thanh Chương, Con Cuông, Quỳnh Hợp, Quỳnh Châu, Quế Phong, Tương Dương, Kỳ Sơn. Tương ứng với mỗi huyện, tiến hành chọn ra một số xã có tính đại diện hình thành 2 nhóm: xã đạt chuẩn NTM và xã chưa đạt chuẩn NTM.

Mẫu điều tra hộ dân (người dân) được thực hiện bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên từ danh sách các hộ trong thôn, bản theo 3 nhóm: khá, trung bình và nghèo (hộ nghèo + cận nghèo).

Mẫu điều tra cán bộ (cấp xã và cấp xóm, thôn, bản) được thực hiện bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên từ danh sách cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn.

Quy mô mẫu của cuộc khảo sát với 26 xã tại 7 huyện, gồm: 17 xã chưa đạt chuẩn NTM và 9 xã đạt chuẩn NTM. Quy mô số lượng mẫu dự kiến ban đầu trong cuộc khảo sát này là 1430 mẫu (phiếu) gồm: 1040 người dân và 390 cán bộ. Kết quả, nhóm điều tra đã tiếp cận đầy đủ các đối tượng bằng cách vấn đáp trực tiếp và vượt số lượng so với dự kiến: 1505 mẫu/ 1430 mẫu, gồm: 1050 người dân và 455 cán bộ. (*Xem danh sách các xã khảo sát và số lượng mẫu xem Phụ lục 1 - Câu 1, phần I*).

5.3. Phương pháp phân tích và xử lý thông tin

a. Phương pháp phân tích:

Sử dụng thang đo Likert để đánh giá mức độ ảnh hưởng và mức độ đồng ý về công tác xây dựng NTM. Với 5 mức độ (Likert 5) được gán giá trị từ 1 đến 5. Điểm bình quân được tính bằng công thức tính số bình quân cộng gia quyền của số lượng người trả lời và hệ số của từng mức độ áp dụng:

$$x = \frac{\sum x_i f_i}{\sum f_i}$$

Trong đó: x - là điểm bình quân
 x_i - là điểm đánh giá thứ i
 f_i - số phiếu nhận điểm x_i

Với khoảng biến thiên từ 1-5, xác định bước nhảy bằng công thức:

$$R = (x_{\max} - x_{\min})/5 = (5-1) = 0,8$$

Các kết luận tương ứng mức điểm bình quân (trong thang đo mức độ đồng ý): 1,0-1,80: Hoàn toàn không đồng ý; 1,81-2,60: Không đồng ý ; 2,61-3,40: Bình thường (Trung lập); 3,41-4,20: Đồng ý; 4,21-5,0: Hoàn toàn đồng ý.

Các kết luận tương ứng mức điểm bình quân (trong thang đo mức độ ảnh hưởng): 1,0-1,80: Ảnh hưởng rất nhiều; 1,81-2,60: Ảnh hưởng khá nhiều; 2,61-3,40: Bình thường (Trung lập); 3,41-4,20: Ảnh hưởng ít; 4,21-5,0: Không ảnh hưởng.

b. Phương pháp xử lý thông tin:

Thông tin thu thập từ khảo sát hộ được tổng hợp và xử lý bằng phần mềm thống kê chuyên dụng SPSS 20.0. Dữ liệu được mã hóa vào phần mềm máy tính SPSS; sau đó dữ liệu được làm sạch, biên tập và lưu trữ; tiếp theo là phân tích dữ liệu theo mục tiêu nghiên cứu đã đề ra bằng phần mềm. Kết quả thông tin được phân tích và kết suất dưới dạng số tương đối phần trăm và giá trị bình quân.

5.4. Phương pháp phỏng vấn sâu

Đây là một phương pháp quan trọng trong nghiên cứu định tính. Nhiệm vụ tiến hành 20 cuộc phỏng vấn cán bộ quản lý các cấp nhằm khai thác các nhận định, đánh giá về: kết quả xây dựng NTM; cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng NTM và đề xuất; thuận lợi và các khó khăn trong việc thực hiện xây dựng NTM; các giải pháp thúc đẩy xây dựng NTM tại các xã ĐBKK vùng dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh trong thời gian tới...

5.5. Phương pháp chuyên gia

Phối hợp với Văn phòng điều phối chương trình MTQG xây dựng NTM tỉnh thực hiện: xây dựng bộ tiêu chí/ bảng hỏi, điều tra thực địa, phân tích và đánh giá báo cáo điều tra. Thu thập các ý kiến góp ý chuyên sâu của các chuyên gia về nông nghiệp, nông thôn qua hội thảo khoa học. Đồng thời, đặt hàng chuyên gia, nhà khoa học xây dựng các chuyên đề nghiên cứu.

PHẦN II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG I.

TỔNG QUAN KẾT QUẢ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN TỈNH NGHỆ AN

1.1. Kết quả xây dựng nông thôn mới vùng dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn tỉnh Nghệ An

1.1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện chương trình nông thôn mới

Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hiện chương trình đã được thực hiện thường xuyên, liên tục, có hiệu quả, góp phần quan trọng trong thực hiện thành công các mục tiêu của chương trình. Trong giai đoạn 2010 - 2015, chính quyền địa phương các cấp trong tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo chương trình xây dựng nông thôn mới, Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp tỉnh. Trong quá trình thực hiện chương trình NTM, các cấp ngành ở địa phương đã vận dụng sáng tạo cơ chế, chính sách của Trung ương, của Tỉnh để chủ động ban hành các chính sách hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tiễn từng vùng. Tuy nhiên, bộ máy giúp việc ở các địa phương còn chưa đồng bộ, cán bộ làm công tác nông thôn mới còn thiếu, chủ yếu là cán bộ kiêm nhiệm nên hiệu quả tham mưu chưa cao. Mặt khác, do điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, công tác điều hành có lúc còn chưa quyết liệt, thiếu tính chủ động, đặc biệt thời điểm đầu còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước nên việc triển khai thực hiện còn chậm.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, hầu hết các địa phương trong tỉnh đã quan tâm hơn đến xây dựng NTM, đã xác định rõ xây dựng NTM là chương trình đột phá để phát triển kinh tế xã hội nông thôn và đưa vào là một trong những nội dung chính của Đại hội Đảng các cấp. Công tác chỉ đạo đã tập trung vào các nội dung trọng tâm, đi vào chiều sâu chất lượng nhằm góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân nông thôn, xây dựng NTM bền vững. Đội ngũ lãnh đạo chủ chốt của các địa phương vào cuộc mạnh mẽ, tâm huyết hơn. Do đó, nhiều nơi đã có tư duy, cách làm mới, huy động nguồn lực lớn và đa dạng cho xây dựng NTM. Tỉnh Nghệ An đã chủ động ban hành các bộ tiêu chí ở cấp xã, cấp huyện về xây dựng NTM, NTM kiểu mẫu, NTM nâng cao và hiện nay Văn phòng điều phối nông thôn mới của tỉnh đang

xây dựng kế hoạch thực hiện mô hình xã NTM thông minh; xây dựng chính sách hỗ trợ các thôn xóm, xã huyện sau khi được công nhận đạt chuẩn NTM, tiếp tục phân đầu xây dựng NTM ở cấp độ cao hơn.

1.1.2. Kết quả thực hiện chương trình nông thôn mới tại tỉnh Nghệ An.

a) Kết quả chung trong xây dựng nông thôn mới

Toàn tỉnh: Đến nay, toàn tỉnh có 309 xã/411 xã đạt chuẩn NTM, đạt 75,18% (trong đó: có 54 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, chiếm 17,48% xã NTM; có 06 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, chiếm 1,94% xã NTM); Có 8 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM (thành phố Vinh, Thị xã Thái Hoà, huyện Nam Đàn, huyện Yên Thành, huyện Nghi Lộc, thị xã Hoàng Mai, huyện Quỳnh Lưu, huyện Đô Lương), huyện Diễn Châu đã hoàn thiện hồ sơ đang trình Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM năm 2022. Bình quân tiêu chí cả tỉnh là 16,88 tiêu chí/xã. Theo số liệu báo cáo của Cục Thống kê, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến hết năm 2022 là 38,4 triệu đồng/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo đến cuối năm 2022 còn 6,2%¹; Có 197 thôn/bản đạt chuẩn NTM; có 403 sản phẩm được xếp hạng đạt OCOP 3 sao trở lên, chiếm 4,6% số sản phẩm đạt hạng sao cả nước (trong đó: có 43 sản phẩm đạt 4 sao; có 359 sản phẩm đạt 3 sao và có 1 sản phẩm đạt 5 sao).

Vùng DTTS và miền núi của tỉnh: Đến nay, toàn vùng có 94 xã/196 xã đạt chuẩn NTM, đạt 47,96%; có 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (thị xã Thái Hòa đạt chuẩn năm 2015); có 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM (thị xã Thái Hoà). Bình quân tiêu chí của vùng là 14,56 tiêu chí/xã. Theo số liệu báo cáo của Cục Thống kê tỷ lệ hộ nghèo các huyện vùng DTTS và miền núi tỉnh giảm từ 24,04% đầu năm 2016 xuống còn gần 8,18% cuối năm 2021 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020); các huyện nghèo 30a giảm bình quân 5,97%/năm; có 197 thôn/bản đạt chuẩn nông thôn mới; có 150 sản phẩm được xếp hạng đạt OCOP 3 sao trở lên (trong đó: có 12 sản phẩm đạt 4 sao; có 138 sản phẩm đạt 3 sao).

b) Kết quả thực hiện các chương trình, đề án đặc thù

Để khắc phục tình trạng xây dựng NTM chưa đồng đều, còn khoảng cách lớn giữa các địa phương trong tỉnh và giữa các vùng, miền, Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt Đề án hỗ trợ các xã đặc biệt khó khăn của tỉnh Nghệ An nhằm đẩy nhanh tiến độ và cải thiện chất lượng xây dựng nông thôn mới.

¹ Theo Niên giám thống kê năm 2022

Căn cứ Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tỉnh đã chỉ đạo các địa phương, các ngành tham mưu cơ chế, chính sách, đưa nhiều mô hình sản xuất, chăn nuôi triển khai trên địa bàn 27 xã biên giới (Quyết định 61/QĐ-TTG ngày 12/1/2018 của Thủ tướng Chính phủ); Ưu tiên phân bổ thêm từ nguồn vốn dự phòng trung hạn Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 cho 27 xã biên giới để thực hiện một số cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và dân sinh, hỗ trợ thêm nguồn vốn sự nghiệp để thực hiện các mô hình phát triển sản xuất, sinh kế của người dân như: mô hình chanh leo nguyên liệu chế biến, chè Tuyết san, lợn đen, gà đen, trâu, bò địa phương, gừng, khoai sọ đã tạo nhiều sản phẩm đặc sản của các địa phương vùng biên giới của tỉnh Nghệ An, đây là thế mạnh để từng bước thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

Việc huy động nguồn lực về kinh tế trong nhân dân ở 27 xã biên giới là rất khó khăn, do đó việc xây dựng đề án cũng sẽ giải quyết được vấn đề bất bình đẳng trong thụ hưởng chính sách, tạo khung pháp lý cho việc thu hút đầu tư và lồng ghép nguồn lực đầu tư. Đến nay có 27 thôn/bản thuộc Đề án đạt chuẩn Nông thôn mới; có 02 xã đạt chuẩn Nông thôn mới. Bình quân tiêu chí (theo Bộ tiêu chí thôn/bản đạt chuẩn Nông thôn mới tỉnh Nghệ An) đạt 7,4 tiêu chí/thôn, bản. Các tiêu chí chưa đạt chủ yếu là: giao thông; điện; cơ sở vật chất văn hóa; thu nhập; hộ nghèo; giáo dục và đào tạo.

c) Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới cấp thôn/bản

Do đặc thù Nghệ An có nhiều xã miền núi, vùng sâu, vùng xa điều kiện kinh tế xã hội còn nhiều khó khăn, việc xây dựng xã đạt Nông thôn mới ở nơi đây là rất khó vì vậy UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2337/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn bản Nông thôn mới áp dụng trên địa bàn các xã miền núi giai đoạn 2017-2020 và Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, xóm, bản đạt chuẩn nông thôn mới Nông thôn mới áp dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025. Bộ tiêu chí thôn bản đã tạo động lực, đẩy lên phong trào xây dựng NTM ở các xã khó khăn có sức lan tỏa khắp khu vực miền tây Nghệ An.

Việc ban hành Bộ tiêu chí và triển khai cho các xã thực hiện thôn, xóm, bản đạt chuẩn NTM bước đầu đã phát huy hiệu quả, được nhân dân nhiệt tình tham gia hưởng ứng, cụ thể là người dân đã ý thức được trong việc tự giác thực hiện các nội dung công việc thuộc về nhân dân, tự bàn bạc, thống nhất

và quyết định các nội dung công việc theo 13 tiêu chí và 41 chỉ tiêu của UBND tỉnh đã ban hành. Qua đó đã giúp người dân chủ động quan tâm về phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, thành lập các tổ nhóm liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm như ở xã khu vực III và các xã biên giới trên địa bàn các huyện miền núi. Nhiều địa phương đã làm tốt công tác xây dựng NTM cấp thôn/bản và gắn với du lịch cộng đồng (homestay) giữ gìn bản sắc văn hoá bản làng như: xã Yên Khê huyện Con Cuông; xã Châu Tiên huyện Quỳnh Châu.... Đồng thời người dân đã chủ động trong công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh chuồng trại, đường làng, ngõ xóm sáng - xanh - sạch - đẹp và đảm bảo an ninh trật tự nông thôn, đây chính là cách làm để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM đã đạt của các xã.

Đến hết năm 2022, tổng số thôn, xóm, bản đạt chuẩn NTM theo bộ tiêu chí của tỉnh là 197 thôn, xóm, bản; trong đó có 43 thôn, xóm, bản thuộc các xã biên giới khó khăn đã được công nhận đạt chuẩn NTM. Nhìn chung các thôn/bản đã chủ động vận động người dân sửa chữa và làm mới được nhiều nhà vệ sinh, xây dựng chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, hình thành mới được hơn 100 mô hình phát triển sản xuất, nâng cấp nhà cửa sạch sẽ khang trang, 575 hộ chỉnh trang hàng rào, trồng cây xanh quanh nhà, công tác vệ sinh môi trường được cải thiện, qua tuyên truyền, vận động nhân dân đã ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với cuộc sống nên đã chủ động tham gia vệ sinh nhà cửa, quét dọn đường làng ngõ xóm, khơi thông cống rãnh, thu dọn rác thải sinh hoạt...

d) Kết quả thực hiện huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng huy động nguồn lực thực hiện Chương trình trong giai đoạn 2021-2022 là 16.981.333 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách nhà nước: 5.316.749 triệu đồng, chiếm 31,31 % (trong đó: Ngân sách trung ương: 2.181.089 triệu đồng, chiếm 12,84 %² và ngân sách địa phương 3.135.660 triệu đồng, chiếm 18,47 %).

- Vốn lồng ghép 8.103.432 triệu đồng, chiếm 47,72 %.

- Vốn tín dụng 1.733.139, chiếm 10,21 % triệu đồng.

- Vốn doanh nghiệp 855.381, chiếm 4,45 % triệu đồng.

- Cộng đồng dân cư 1.072.632, chiếm 6,31% triệu đồng.

² Bao gồm: vốn đầu tư phát triển là 1.952.481 triệu đồng, vốn sự nghiệp là 228.608 triệu đồng

1.2. Tác động của các cơ chế chính sách đến kết quả xây dựng nông thôn mới vùng dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn.

Nhằm thực hiện tốt hơn nữa trong việc hỗ trợ các xã miền núi đạt chuẩn NTM mới giai đoạn 2021-2025, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 24/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 về một số chính sách hỗ trợ trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An, giai đoạn 2021-2025; trong đó đặc biệt chú ý đến việc hỗ trợ xây dựng các thôn, xóm, bản trên địa bàn các xã miền núi khu vực III và xã biên giới. Để thực hiện xây dựng các thôn, xóm, bản đạt chuẩn trên địa bàn các xã khu vực III và biên giới đạt hiệu quả, ngày 06/6/2022 Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Bộ tiêu chí thôn, xóm, bản trên địa bàn tỉnh Nghệ An, áp dụng đối với các xã miền núi khu vực III và xã biên giới.

a) Chính sách hỗ trợ xi măng các xã đăng ký đạt chuẩn trong năm kế hoạch để làm đường giao thông nông thôn

- Vấn đề bất cập: Hỗ trợ xi măng cho các xã đăng ký đạt chuẩn NTM là một chủ trương đúng, kích cầu theo phương thức Nhà nước hỗ trợ xi măng, nhân dân đóng góp ngày công, chi phí nguyên vật liệu xây dựng, hiến đất... Trong giai đoạn 2015-2020 việc hỗ trợ đã được thực hiện theo Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh. Việc hỗ trợ đã nhận được sự đồng tình hưởng ứng cao của các địa phương nhất là bà con nhân dân; tuy nhiên hiện tại nhu cầu hỗ trợ xi măng để thực hiện làm đường giao thông nông thôn tại các địa phương là rất lớn trong lúc điều kiện ngân sách cấp huyện, xã chưa thể đáp ứng đủ nên rất cần sự hỗ trợ của tỉnh. Đồng thời các xã xây dựng NTM còn lại chưa đạt chuẩn là các xã chủ yếu tập trung ở các huyện miền núi với định mức hỗ trợ 2.800 tấn xi măng PCB40/01 xã thuộc các huyện: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Tân Kỳ, Anh Sơn, Thanh Chương và Nghĩa Đàn: mức hỗ trợ 2.800 tấn xi măng PCB40/xã.

- Chỉ các xã đăng ký đạt chuẩn NTM trong năm kế hoạch mới được thụ hưởng chính sách.

- Chính sách hỗ trợ xi măng chỉ mới đầu tư nội dung làm đường giao thông nông thôn (*xây dựng tiêu chí số 02 về Giao thông*). Nhiều xã đã đạt tiêu chí giao thông cần đầu tư xây dựng các tiêu chí khác như: Thủy lợi và phòng

chống thiên tai, Văn hóa (*cơ sở vật chất văn hóa*), Môi trường và an toàn thực phẩm (*duy tu, sửa chữa các công trình nước sạch phục vụ chỉ tiêu số 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn*),...

- Tác động về xã hội: góp phần bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống và bảo vệ môi trường; phát huy được tối đa lợi thế của từng địa phương để phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích được các địa phương tham gia thực hiện Chương trình; huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện chương trình từ ngày công, các vật liệu cát sỏi,...

b) Chính sách hỗ trợ xi măng các thôn/bản thuộc xã khu vực III miền núi và các thôn/bản thuộc 27 xã biên giới đăng ký, cam kết tham gia xây dựng thôn/bản đạt chuẩn nông thôn mới (không hỗ trợ các thôn/bản thuộc xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021 - 2025)

- Vấn đề bất cập: Chủ thể thực hiện nội dung là thôn/bản thuộc xã khu vực III miền núi và các thôn/bản thuộc 27 xã biên giới. Hiện nay các chủ thể chưa thực hiện theo một quy hoạch; nhiều thôn/bản đang xây dựng và phát triển một cách tự phát làm phá vỡ cảnh quan, môi trường nông thôn. Vì vậy việc hỗ trợ xi măng để thôn/bản xây dựng đường giao thông nông thôn/lề đường/mương thoát nước tạo điều kiện cho các thôn/bản xây dựng các nội dung trên.

- Chỉ các thôn/bản đăng ký đạt chuẩn NTM trong năm kế hoạch mới được thụ hưởng chính sách.

- Chính sách hỗ trợ xi măng chỉ mới đầu tư nội dung làm đường giao thông nông thôn (*xây dựng tiêu chí số 02 về Giao thông*). Nhiều xã đã đạt tiêu chí giao thông cần đầu tư xây dựng các tiêu chí khác như: Thủy lợi và phòng chống thiên tai, Văn hóa (*cơ sở vật chất văn hóa*), Môi trường và an toàn thực phẩm (*duy tu, sửa chữa các công trình nước sạch phục vụ chỉ tiêu số 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn*),...

c) Chính sách thưởng trong xây dựng nông thôn mới

- Vấn đề bất cập: Trong giai đoạn 2015-2020, thực hiện theo Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh chỉ mới hỗ trợ xã đạt chuẩn Nông thôn mới và huyện đạt chuẩn NTM mà chưa có chính sách hỗ trợ đối với: Vườn chuẩn NTM, Thôn/bản đạt chuẩn NTM, xã đạt chuẩn NTM nâng cao và kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn NTM nâng cao và kiểu mẫu. Mức hỗ trợ cho huyện, thành

phố, thị xã đạt chuẩn Nông thôn mới tại Nghị quyết số 166/2015/NQ-HĐND ngày 10/7/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh đang ở mức thấp so với một số tỉnh trong khu vực chưa đồng viên khuyến khích được sự cố gắng của các địa phương trong xây dựng NTM. Thưởng để xây dựng công trình phúc lợi đối với: Xã đạt chuẩn NTM với mức 500 triệu đồng/xã; Xã đạt chuẩn NMT nâng cao với mức 600 triệu đồng/xã; Xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu với mức 700 triệu đồng/xã; Vườn chuẩn NTM với mức 15 triệu đồng/vườn.

- Chưa có chính sách thưởng các thôn/bản đạt chuẩn.
- Chưa khuyến khích được các địa phương thực hiện các nội dung khác trong xây dựng NTM đảm bảo xây dựng NTM là quá trình liên tục, không có điểm dừng.

1.3. Những khó khăn, bất cập trong xây dựng nông thôn mới vùng dân tộc thiểu số và miền núi đặc biệt khó khăn.

Được sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương, nhiều chương trình, chính sách dân tộc đã được đầu tư, hỗ trợ trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là ở các xã vùng sâu vùng xa, vùng dân tộc thiểu số. Việc triển khai thực hiện các chương trình chính sách dân tộc luôn được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND các cấp; công tác phối hợp tuyên truyền, giám sát, phản biện của Mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội; sự nhiệt tình, đồng thuận tham gia thực hiện của người dân...

Qua đó, kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi đã có bước phát triển mạnh trong những năm qua, bộ mặt nông thôn miền núi có nhiều đổi thay tích cực. Tuy nhiên, do xuất phát điểm của tỉnh thấp nên đến nay đồng bào DTTS ở khu vực nông thôn, các xã ĐBKK hạ tầng kinh tế-xã hội còn nhiều hạn chế; kinh tế chủ yếu dựa vào sản xuất nông, lâm nghiệp chưa mang tính hàng hóa; đời sống của đồng bào DTTS chưa thực sự đảm bảo và thiếu tính bền vững, chưa có nhiều cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội. Tỷ lệ nghèo giảm nhưng nguy cơ tái nghèo cao, chất lượng nguồn nhân lực thấp, đội ngũ cán bộ còn nhiều bất cập; còn một số hạn chế về bình đẳng giới; còn tồn tại hủ tục lạc hậu tảo hôn, tục ma chay cưới xin, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội; lề lối, tác phong, tập quán canh tác của một bộ phận đồng bào DTTS còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định an ninh chính trị.

Khoảng cách phát triển giữa các DTTS với dân tộc Kinh, giữa các nhóm dân tộc thiểu số chưa được rút ngắn. Vùng đồng bào DTTS và miền núi của tỉnh là vùng có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất trên địa bàn; tỷ lệ hộ nghèo vùng DTTS và miền núi ĐBKK của tỉnh Nghệ An giảm từ 24,04% đầu năm 2016 xuống còn gần 8,18% cuối năm 2021 (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2016-2020); các huyện nghèo 30a giảm bình quân 5,97%/năm. Một số vấn đề bức thiết trong đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số như: thiếu nhà ở, đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt,... chưa được giải quyết có hiệu quả.

Chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa ở vùng đồng bào DTTS của tỉnh tuy đã được nâng lên nhưng so với mặt bằng chung vẫn còn thấp, mức độ tiếp cận các dịch vụ còn nhiều khó khăn; tỷ lệ được cấp thẻ bảo hiểm y tế cao nhưng tỷ lệ khám, chữa bệnh bằng thẻ còn thấp, tỷ lệ trẻ em người DTTS suy dinh dưỡng còn cao; tâm vóc thể trạng người DTTS chưa được cải thiện; dân ca, dân vũ, nhạc cụ truyền thống của nhiều DTTS chỉ được phục dựng khi lễ hội, ít được diễn ra trong đời sống hàng ngày. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS trong cơ quan nhà nước chưa đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Quyết định số 402/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Bên cạnh đó, đối với các huyện miền núi cao, việc xây dựng NTM nguồn chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 hỗ trợ rất thấp (chỉ hơn 2,175 tỷ đồng/xã/5 năm) nên việc thực hiện tiêu chí NTM chủ yếu trông chờ vào nguồn lồng ghép nguồn vốn từ Chương trình MTQG giảm nghèo và Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi nhưng chưa được quan tâm đúng mức, chưa thực sự gắn với các tiêu chí nông thôn mới để đảm bảo đạt chuẩn theo lộ trình đề ra.

Trong khi đó, nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước còn hạn chế (ngân sách Trung ương giảm 60%, vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh mới chỉ hỗ trợ theo chính sách làm đường giao thông nông thôn và thưởng công trình phúc lợi) nên dẫn đến khó khăn trong việc cân đối hỗ trợ cho địa phương miền núi. Mặt khác, sự chỉ đạo, điều hành của chính quyền ở một số địa phương chưa đáp ứng yêu cầu; cán bộ chuyên trách NTM ở cấp huyện, xã không những thiếu mà còn thường xuyên biến động, dẫn đến hoạt động kém hiệu quả; chất lượng xây dựng NTM ở một số địa phương chưa cao, thiếu bền vững.

Ngoài các yếu tố địa bàn rộng đòi hỏi suất đầu tư lớn, nhất là hệ thống

giao thông, cơ sở hạ tầng trường học, trạm y tế, nhà văn hoá các thôn, bản...thấp kém; thì lực cản lớn nhất là tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của Nhà nước trong một bộ phận cán bộ và người dân. Đặc biệt hiện nay đang nảy sinh tư tưởng, tâm lý không muốn xây dựng NTM bởi khi đạt chuẩn NTM đồng nghĩa sẽ không được hưởng các chính sách liên quan đến xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn 135.

*

* * *

Trên đây là kết quả tổng quan thực trạng xây dựng nông thôn mới vùng DTTS và miền núi tỉnh Nghệ An trong giai đoạn từ năm 2010 đến nay thông qua tài liệu thứ cấp (quyết định, văn bản, báo cáo của các ngành có liên quan đến nông nghiệp nông thôn...).

CHƯƠNG II

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐU LƯỢNG XÃ HỘI VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH NGHỆ AN HIỆN NAY

Như đã trình bày ở mục 5.2 phần I, 26 xã được khảo sát gồm: 9 xã đạt chuẩn NTM (khu vực I) và 17 xã chưa đạt chuẩn NTM (khu vực III). Cuộc khảo sát thu thập ý kiến của đội ngũ cán bộ và người dân thực hiện từ tháng 6 đến tháng 10/2023. Đánh giá các nội dung liên quan đến công tác xây dựng NTM tại địa phương được tính tại thời điểm khảo sát năm 2023.

2.1. Thông tin chung về các hộ tham gia khảo sát

Dữ liệu nghiên cứu được đưa vào phân tích với kích thước mẫu (N) là 1505. Tổng số phiếu đưa vào phân tích là 1505 phiếu, gồm 1050 phiếu người dân và 455 phiếu cán bộ.

- **Đặc điểm chung hộ tham gia khảo sát:**

Xét về điều kiện kinh tế của hộ, có 8,5% số hộ khá giả; 61,2% số hộ trung bình; 17,8% số hộ cận nghèo và 12,5% số hộ nghèo. Quy mô hộ bình quân (theo nhân khẩu hiện tại - sinh hoạt chung, thu chi chung) là 4,55 người/1 hộ, trong đó tỷ lệ hộ có nhân khẩu từ 4 - 6 người chiếm 67,6% và từ 7 người trở lên là 10,7%. Lực lượng lao động tương đối đông, phần lớn các hộ có từ 2 - 3 lao động và bình quân có 2,44 lao động/ hộ.

- **Đặc điểm đối tượng cán bộ:**

Trong tổng số 455 cán bộ tham gia trả lời, có 347 cán bộ cấp xã và 108 cán bộ cấp xóm, thôn, bản. Phân theo giới tính, có 59,6% nam và 40,4% nữ. Về thành phần dân tộc chủ yếu là người Thái (chiếm 64,8%), còn lại là người Kinh (chiếm 25,3%), Thổ (chiếm 4,0%), Khơ Mú (chiếm 3,1%) và Mông (chiếm 2,9%). Cơ cấu độ tuổi: từ 30 tuổi trở xuống chiếm 1,8%, từ 31 đến 40 tuổi chiếm 39,6%, từ 41 đến 50 tuổi chiếm 40,2%, từ 51 đến 60 tuổi chiếm 14,1% và trên 60 tuổi chiếm 4,4%. Phân theo trình độ học vấn: cao đẳng, đại học và sau đại học chiếm 73,0%, trung cấp chiếm 8,8% và các cấp hệ giáo dục phổ thông chiếm 18,2%; tuy nhiên đối với cán bộ cấp xóm, thôn, bản trình độ học vấn là khá thấp (THPT chiếm 45,4%, THCS và Tiểu học là 29,6%).

- **Đặc điểm đối tượng người dân:**

Trong tổng số 1050 người dân đại diện cho hộ tham gia trả lời, có 49,1% nam và 50,9% nữ. Về thành phần dân tộc có: Thái (63,6%), Kinh (19,5%), Thổ

(6,7%), Khor Mú (6,5%) và Mông (3,7%). Cơ cấu độ tuổi: từ 30 tuổi trở xuống chiếm 7,1%, từ 31 đến 40 tuổi chiếm 47,1%, từ 41 đến 50 tuổi chiếm 16,1%, từ 51 đến 60 tuổi chiếm 13,6% và trên 60 tuổi chiếm 15,8%. Trình độ học vấn người dân tham gia cuộc khảo sát còn hạn chế, đa số chỉ học cấp 1 và cấp 2: tiểu học (17,6%), trung học cơ sở (38,7%), trung học phổ thông (27,2%), trung cấp (9,2%), cao đẳng, đại học và sau đại học (4,7%) và 2,6% số người không biết đọc, biết viết. Phân theo nghề nghiệp có: nông dân (71,7%), lao động tự do (14,1%), hưu trí (7,6%), kinh doanh buôn bán (5,0%) và cán bộ công chức, viên chức (1,6%). Đa số người dân có tham gia vào các tổ chức, đoàn hội tại địa phương (chiếm 85,9%); trong đó đông đảo nhất là hội nông dân (chiếm 40,0%), tiếp đến là hội phụ nữ (chiếm 39,1%), hội người cao tuổi (24,5%), hội cựu chiến binh (12,4%)...

Về thời gian cư trú tại địa phương, đa số người dân có thời gian gắn bó với địa phương (xã) khá lâu: từ 11 - 20 năm chiếm 47,3%, từ 21 - 30 năm chiếm 6,4%, từ 31 - 40 năm chiếm 14,6%, từ 41 - 50 năm chiếm 13,1% và trên 50 năm chiếm 14,1%.

2.2. Tư duy, tâm thế của đội ngũ cán bộ và người dân trong xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới

Người dân đóng vai trò quan trọng trong xây dựng NTM, với tư cách vừa là chủ thể, vừa là động lực, vừa là người thụ hưởng kết quả của chương trình NTM. Do đó, trong quá trình thực hiện xây dựng NTM rất cần thiết phải nắm được tâm lý, nhận thức của đồng bào trong xây dựng NTM và những trở ngại của nó trong quá trình triển khai, thực hiện các tiêu chí NTM.

2.2.1. Nhận thức và sự tham gia, đóng góp của cán bộ và người dân xây dựng Nông thôn mới.

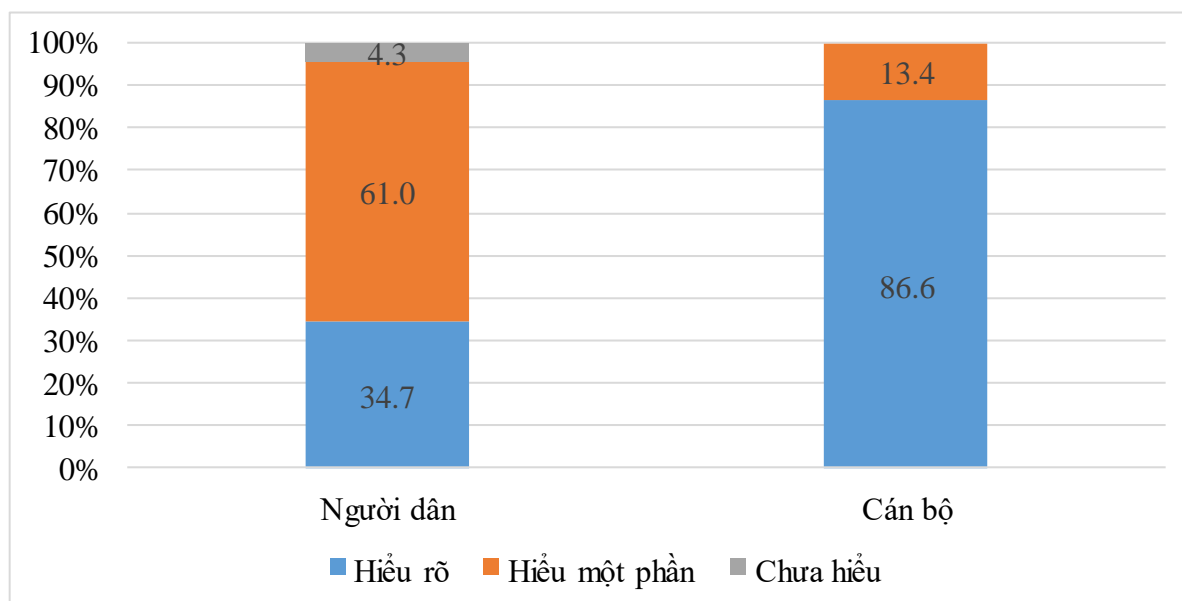
a) Về nhận thức, hiểu biết về chương trình xây dựng nông thôn mới:

Khảo sát cho thấy, các địa phương đã quan tâm công tác phổ biến, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức trong đội ngũ cán bộ và nhân dân về ý nghĩa, nội dung và các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chương trình xây dựng NTM.

Tính chung tại 26 xã, có 98,5% người dân tham gia cuộc khảo sát có biết về chủ trương, nội dung chương trình xây dựng NTM, trong đó: 34,7% hiểu rõ, 61,0% chỉ hiểu một phần và 4,3% không hiểu. Mặc dù đã được Ban chỉ đạo xã tuyên truyền xây dựng NTM nhưng do nhận thức của người dân không đồng đều

nên việc nắm bắt và hiểu các nội dung về chương trình chưa chắc chắn. Người dân đã được tiếp cận nhiều thông tin qua các hình thức khác nhau, trong đó phổ biến là: qua các cuộc họp dân tại xã, thôn, bản (90,2% số lượt ý kiến); qua tuyên truyền trên loa phát thanh xã, xóm (70,2% số lượt ý kiến); qua các tổ chức, đoàn thể chính trị xã hội (50,6% số lượt ý kiến);... (Xem thêm Phụ lục 1 - Câu 2, phần I).

100% cán bộ cấp xã và cấp thôn, bản biết về chủ trương, nội dung chương trình xây dựng NTM, trong đó 86,6% hiểu rõ và 13,4% hiểu một phần. Đối tượng này được tiếp cận thông tin qua nhiều hình thức và trong đó phổ biến là: từ các văn bản, chỉ thị của cấp trên (chiếm 94,7% số lượt ý kiến); qua các cuộc họp tại xã, thôn, bản (71,4% số lượt ý kiến); qua báo, đài, internet, mạng xã hội (66,6% số lượt ý kiến); qua các đợt đào tạo, tập huấn (65,7% số lượt ý kiến); qua các tổ chức, đoàn thể chính trị xã hội (64,6% số lượt ý kiến); qua tuyên truyền trên loa phát thanh xã, xóm (60,6% số lượt ý kiến) (Xem thêm Phụ lục 1 - Câu 3, phần I).



Hình 2.1. Sự hiểu biết về chủ trương, nội dung chương trình xây dựng NTM

(Nguồn: Số liệu điều tra)

b) Về huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới:

Nhà nước cho phép cấp xã huy động người dân đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng (CSHT) nhằm tăng nguồn vốn, khơi dậy vai trò chủ thể và trách nhiệm của người dân trong xây dựng nông thôn.

Qua tổng hợp tại 26 xã, ngoài Ngân sách nhà nước (ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương), vốn chương trình lồng ghép, vốn tín dụng, các địa

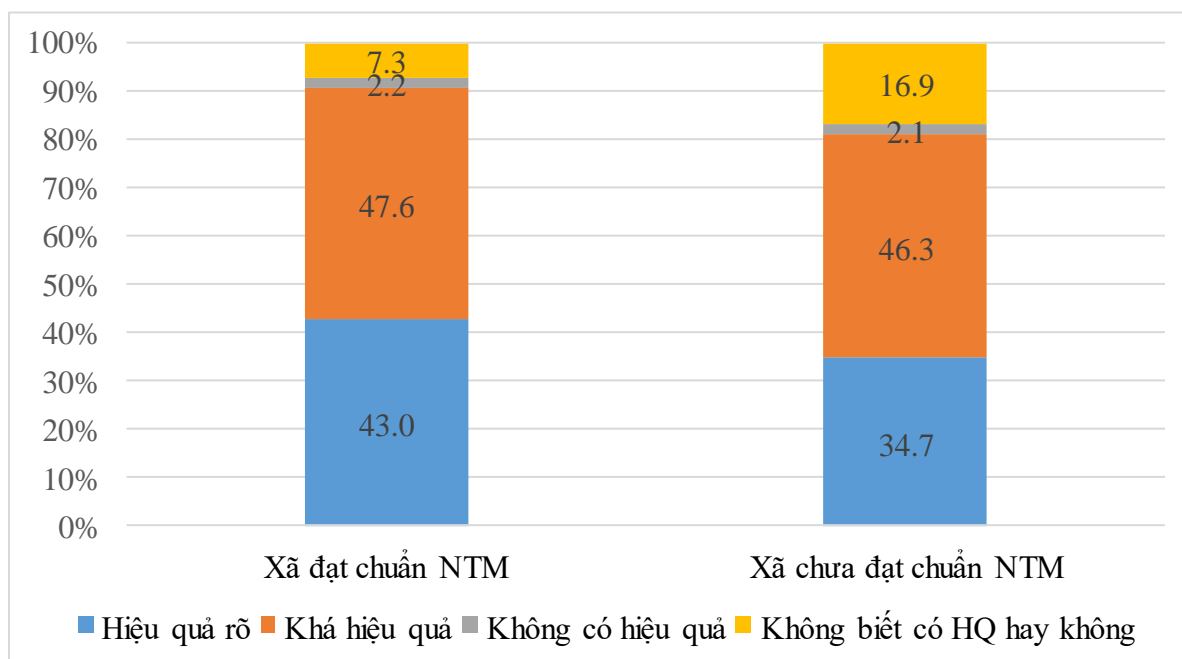
phương có huy động vốn từ doanh nghiệp và cộng đồng dân cư trong thực hiện xây dựng NTM. Cụ thể: có 26/26 xã có vốn huy động từ các tổ chức, cơ quan, đơn vị; có 21/26 xã có vốn huy động từ doanh nghiệp và 24/26 xã có vốn huy động từ người dân đóng góp xây dựng CSHT cấp xã. Riêng trên địa bàn các xã ĐBK, các tổ chức, đơn vị, cơ quan đóng trên địa bàn ít; dường như không có doanh nghiệp hoạt động hoặc một số xã có nhưng quy mô nhỏ. Riêng 2 xã (Thanh Sơn, Ngọc Lâm) với đặc thù là 2 xã mới được thành lập vào năm 2009 từ dân tái định cư của thủy điện Bản Vẽ, đời sống nhân dân còn gặp rất nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo còn cao và nhận thấy việc huy động đóng góp tài chính từ người dân là rất khó nên chính quyền địa phương chưa có chủ trương huy động tài chính trong dân. Định hướng của huyện Thanh Chương trong nhiệm kỳ 2025-2030 tất cả các xã thuộc huyện về đích NTM, riêng 2 xã Ngọc Lâm và Thanh Sơn chưa xác định.

- Việc quản lý và sử dụng đóng góp xây dựng CSHT:

Kết quả khảo sát cho thấy, đa số hộ dân đánh giá tích cực về việc quản lý và sử dụng đóng góp xây dựng CSHT tại các địa phương. Việc công khai thu chi đóng góp trong dân được thực hiện tốt, thường được báo cáo qua các cuộc họp Chi bộ, họp thôn, bản và mọi khoản có sự giám sát chặt chẽ của người dân. Tỷ lệ người dân trả lời không biết về kết quả sử dụng tiền đóng góp thường là những hộ không để ý hoặc không tham gia các cuộc họp ở thôn, bản. Cụ thể:

Đối với các xã đạt chuẩn NTM (khu vực I), người dân tự đánh giá việc huy động này mang lại hiệu quả khá cao: 43,0% hiệu quả rõ và 47,6% khá hiệu quả; các khoản đóng góp từ người dân được công khai, minh bạch nên rất ít xảy ra tiêu cực (81,9% ý kiến đánh giá không có tiêu cực; 3,5% ý kiến có tiêu cực; 14,6% không biết có tiêu cực hay không).

Đối với các xã chưa đạt chuẩn NTM (khu vực III), người dân cũng đánh giá khá cao hiệu quả việc huy động này: có 34,7% đánh giá hiệu quả rõ và 46,3% đánh giá mức khá hiệu quả; rất ít tiêu cực trong sử dụng các khoản đóng góp (76,2% cho rằng không có tiêu cực; 5,3% cho rằng có tiêu cực và 18,4% không biết có tiêu cực hay không).



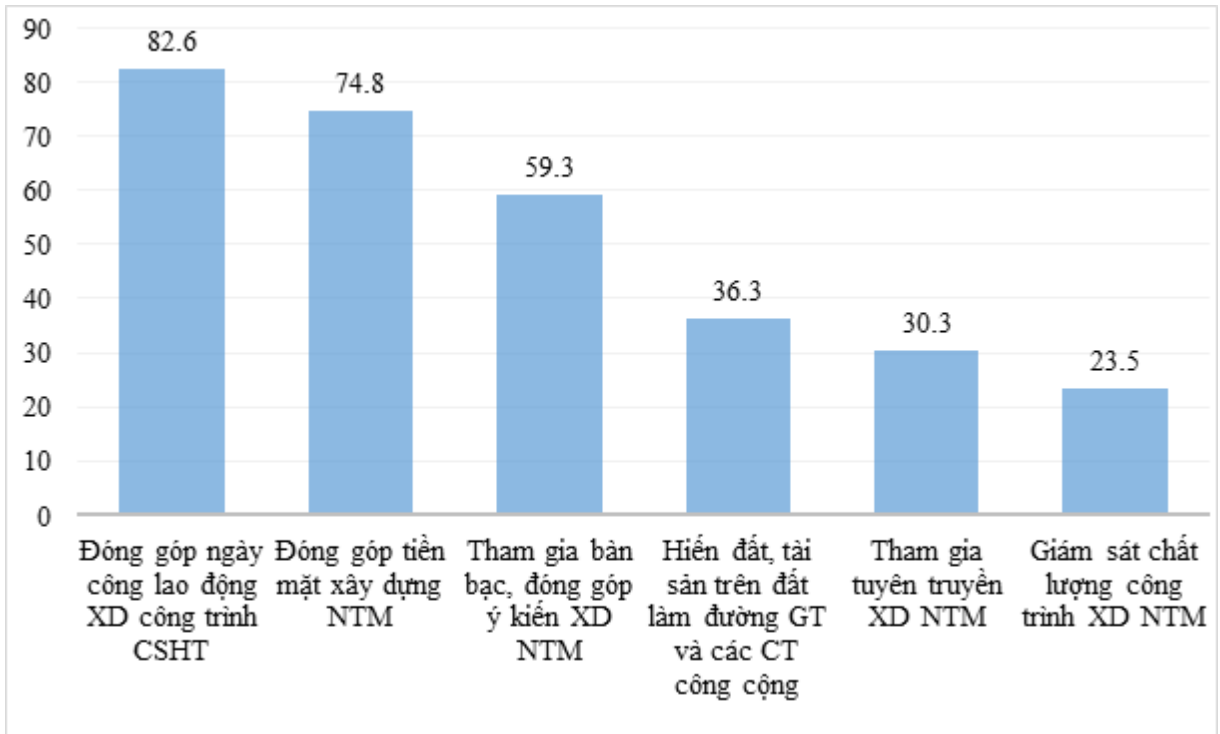
Hình 2.2. Hiệu quả huy động nguồn lực từ người dân xây dựng CSHT

(Nguồn: Số liệu điều tra)

- Nội dung tham gia, đóng góp:

Sự tham gia, đóng góp của người dân tại xã và xóm, thôn, bản là yếu tố quyết định sự thành công của chương trình xây dựng NTM. Kết quả từ cuộc khảo sát tại 26 xã, người dân tham gia đóng góp nhiều nhất vào 4 nội dung: đóng góp ngày công lao động xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng (82,6% số lượt hộ); đóng góp tiền mặt, hiện vật xây dựng các công trình CSHT (74,8% số lượt hộ), tính bao gồm tiền đóng góp trích từ phí dịch vụ môi trường rừng để mua sắm vật liệu, tham gia làm các tuyến đường trong bản; tham gia họp bàn bạc, đóng góp ý kiến xây dựng NTM (59,3% số lượt hộ); hiến đất, tài sản trên đất làm đường giao thông và các công trình công cộng (36,3% số lượt hộ)...

Về đóng góp tiền mặt, các khoản đóng góp tự nguyện nhưng đa số các thôn, bản đều bàn bạc, tự thỏa thuận thống nhất đưa ra định mức đóng góp theo khẩu hoặc theo hộ theo từng đợt huy động. Đối tượng đóng góp cũng do người dân thỏa thuận trên cơ sở đảm bảo sự công bằng giữa các hộ. Đa phần huy động đóng góp tiền mặt trong thôn, bản không phân biệt mức sống của hộ (hộ nghèo, cận nghèo và trung bình đều mức đóng góp như nhau). Tuy nhiên, sự đóng góp tài chính trong dân còn hạn hẹp và một số nơi huy động chậm; điều này bị chi phối bởi điều kiện kinh tế, thu nhập của người dân còn thấp...



Hình 2.3. Nội dung người dân tham gia, đóng góp xây dựng NTM tại các địa phương

(Nguồn: SL điều tra)

c) Kết quả việc huy động người dân đóng góp xây dựng NTM:

Việc huy động đóng góp của người dân được xem là thành công lớn của chương trình xây dựng NTM. Một số kết quả đạt được qua phản ánh, đánh giá của cán bộ và người dân được tổng hợp như sau:

*** Tại xã đạt chuẩn NTM (khu vực I)**

Kết quả khảo sát tại 9 xã đạt chuẩn NTM ghi nhận: cán bộ và người dân đồng tình cao với việc triển khai xây dựng NTM ở địa phương thực hiện theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, dân thụ hưởng” với điểm số trung bình đánh giá chung là 4,26/5 điểm tương ứng mức *Hoàn toàn đồng ý*. Trong đó, điểm số đánh giá của người dân là 4,21/5 điểm (trong đó có 50,3% đồng ý và 37,0% hoàn toàn đồng ý) và điểm số đánh giá của cán bộ là 4,31/5 điểm (trong đó có 23,6% đồng ý và 59,0% hoàn toàn đồng ý).

Đồng thời, việc huy động người dân tham gia, đóng góp xây dựng CSHT trong xây dựng NTM tại các địa phương này cũng được cán bộ và người dân đánh giá là *phù hợp* với sức dân với điểm số trung bình đánh giá của người dân và cán bộ cùng là 4/5 điểm tương ứng mức *Đồng ý* (người dân: 49,9% đồng ý và 30,2% hoàn toàn đồng ý; cán bộ: 60,0% đồng ý và 23,3% hoàn toàn đồng ý).

Nhờ phương châm triển khai đúng và huy động phù hợp, kết quả người dân tại các địa phương đã chủ động đóng góp công sức, vật lực đồng lòng xây dựng NTM tại địa phương. Điểm số trung bình chung đánh giá của cán bộ và người dân là 4,15/5 điểm tương ứng mức *Đồng ý*; trong đó điểm số trung bình đánh giá của người dân là 4,17/5 điểm (trong đó có 54,1% đồng ý và 34,6% hoàn toàn đồng ý) và điểm số trung bình đánh giá của cán bộ là 4,12/5 điểm (trong đó có 57,1% đồng ý và 30,5% hoàn toàn đồng ý).

Bảng 2.1. Kết quả xây dựng NTM tại các địa phương (xã đạt chuẩn NTM)

Nhận định	Đối tượng	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Điểm TB		Đánh giá chung
1. Thực hiện đúng phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, dân thụ hưởng”	Cán bộ	3,9	2,2	11,2	23,6	59,0	4,31	4,26	Hoàn toàn đồng ý
	Người dân	1,6	0,5	10,5	50,3	37,0	4,21		
2. Người dân chủ động đóng góp công sức, vật lực đồng lòng xây dựng NTM tại địa phương	Cán bộ	1,7	2,3	8,5	57,1	30,5	4,12	4,15	Đồng ý
	Người dân	2,2	2,2	7,0	54,1	34,6	4,17		
3. Việc huy động người dân đóng góp xây dựng CSHT trong xây dựng NTM tại địa phương phù hợp với sức dân	Cán bộ	2,2	1,7	12,8	60,0	23,2	4,00	4,00	Đồng ý
	Người dân	3,3	3,3	13,4	49,9	30,2	4,00		

(Nguồn: Số liệu điều tra)

*** Tại xã chưa đạt chuẩn NTM (khu vực III):**

Tại 17 xã chưa đạt chuẩn NTM kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn cán bộ và người dân đồng tình khá cao với việc triển khai xây dựng NTM ở địa phương thực hiện theo phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, dân thụ hưởng” với điểm số trung bình chung đánh giá là 4,05/5 điểm tương ứng mức *Đồng ý*. Trong đó, điểm số đánh giá của người dân là 3,96/ 5 điểm (trong đó có 41,8% đồng ý và 34,0% hoàn toàn đồng ý) và điểm số đánh giá của cán bộ là 4,14/5 điểm (trong đó có 40,0% đồng ý và 42,2% hoàn toàn đồng ý).

Việc huy động người dân tham gia, đóng góp xây dựng CSHT trong xây dựng NTM tại các địa phương này cũng được phần lớn cán bộ và người dân

đánh giá là khá phù hợp với sức dân với điểm số trung bình đánh giá là 3,82/5 điểm tương ứng mức *Đồng ý*. Trong đó, điểm số đánh giá của người dân là 3,75/5 điểm (43,0% đồng ý và 25,0% hoàn toàn đồng ý); điểm số đánh giá của cán bộ là 3,88/5 điểm (50,7% đồng ý và 25,4% hoàn toàn đồng ý). Tuy nhiên, số ý kiến cho rằng không phù hợp giao động tỷ lệ 10 - 11%.

Điểm số trung bình chung trong đánh giá “Người dân chủ động đóng góp công sức, vật lực đồng lòng xây dựng NTM tại địa phương” của cán bộ và người dân là 3,94/5 điểm tương ứng mức *Đồng ý*. Trong đó, điểm số đánh giá của người dân là 3,88/5 điểm (trong đó có 46,2% đồng ý và 28,2% hoàn toàn đồng ý) và điểm số đánh giá của cán bộ là 3,99/5 điểm (trong đó có 42,8% đồng ý và 33,6% hoàn toàn đồng ý). Tuy nhiên, có 8% số ý kiến cho rằng người dân chưa chủ động trong đóng góp nội dung này.

Bảng 2.2. Kết quả xây dựng NTM tại các địa phương (xã chưa đạt chuẩn NTM)

Nhận định	Đối tượng	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý	Điểm TB		Đánh giá chung
1. Thực hiện đúng phương châm: “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, dân thụ hưởng”	Cán bộ	4,7	1,1	12,0	40,0	42,2	4,14	4,05	Đồng ý
	Người dân	5,4	2,6	16,2	41,8	34,0	3,96		
2. Người dân chủ động đóng góp công sức, vật lực đồng lòng xây dựng NTM tại địa phương	Cán bộ	2,6	5,2	15,9	42,8	33,6	3,99	3,94	Đồng ý
	Người dân	6,2	2,1	17,2	46,2	28,2	3,88		
3. Việc huy động người dân đóng góp xây dựng CSHT trong xây dựng NTM tại địa phương phù hợp với sức dân	Cán bộ	3,0	7,1	13,8	50,7	25,4	3,88	3,82	Đồng ý
	Người dân	6,6	4,5	20,8	43,0	25,0	3,75		

(Nguồn: Số liệu điều tra)

Xây dựng NTM là chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước, với mục tiêu hướng tới người dân, lấy người dân làm trung tâm. Trong quá trình xây dựng NTM, sự tham gia và đóng góp của người dân đã tạo được sự tin tưởng và tự nguyện của người dân; đồng nghĩa với việc phát huy được quy chế dân chủ cơ sở trong xây dựng NTM. Đây cũng là thành quả của công tác tuyên truyền, vận

động trong xây dựng NTM của cấp ủy, chính quyền, Mặt trận tổ quốc và đoàn thể các cấp phục vụ mục tiêu xây dựng nông thôn ngày càng văn minh, hiện đại.

2.2.2. Đánh giá tác động sự thay đổi chính sách hỗ trợ của nhà nước sau khi các xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn nông thôn mới

Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025. Các xã khu vực III, II khi được công nhận đạt chuẩn NTM sẽ được xác định là xã khu vực I, theo đó các xã này không còn thụ hưởng các chính sách đối với thôn, xã đặc biệt khó khăn.

Trong cuộc khảo sát này, nhóm nghiên cứu tiến hành thu thập ý kiến đánh giá, cảm nhận của đội ngũ cán bộ và người dân tại các xã đạt chuẩn và chưa đạt chuẩn về việc cắt giảm cơ chế chính sách hỗ trợ này so với thực tiễn của các địa phương, kết quả:

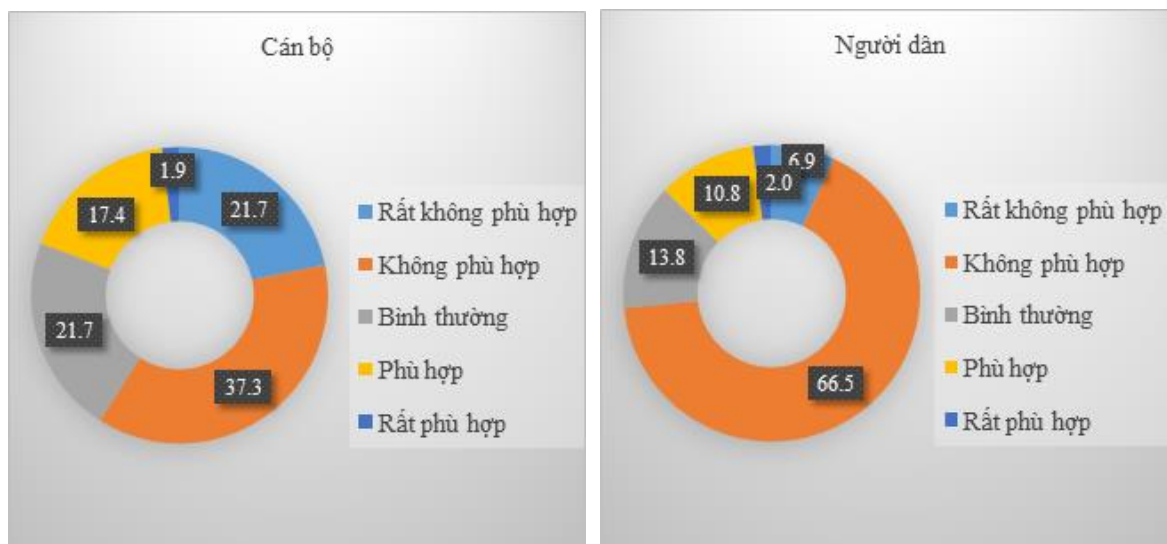
(1) Việc cắt giảm cơ chế chính sách tại các xã khu vực III được phân đông cán bộ và người dân đánh giá là không phù hợp thực tiễn của địa phương;

(2) Quyết định 861/QĐ-TTg đã tác động không nhỏ tới các lĩnh vực đời sống của cán bộ và người dân ở các xã đã đạt chuẩn NTM (vốn là xã KV III); với các xã khu vực III cả cán bộ và người dân cũng bày tỏ sự băn khoăn, lo lắng về sự ảnh hưởng của việc cắt giảm cơ chế chính sách nếu xã về đích NTM. Trong đó, 3 lĩnh vực chịu tác động lớn nhất theo thứ tự là: y tế, giáo dục và vay vốn tín dụng ưu đãi.

*** Tại xã đạt chuẩn NTM (khu vực I):**

- Tính phù hợp của việc cắt giảm cơ chế chính sách:

Việc cắt giảm cơ chế chính sách tại các xã khu vực III là *không phù hợp* thực tiễn của các địa phương: điểm số trung bình chung đánh giá của cán bộ và người dân là 2,38/5 điểm; trong đó điểm số đánh giá của cán bộ là 2,40/5 điểm (trong đó có 21,7% cho là rất không phù hợp và 37,3% cho là không phù hợp) và điểm số đánh giá của người dân là 2,35/5 điểm (trong đó có 6,9% cho là rất không phù hợp và 66,5% cho là không phù hợp)



Hình 2.4. Tính phù hợp của việc cắt giảm cơ chế chính sách hỗ trợ của nhà nước so với thực tiễn tại các xã ĐBKK (xã đạt chuẩn NTM)

(Nguồn: Số liệu điều tra)

- Mức độ ảnh hưởng đến đời sống khi không còn sự hỗ trợ của Nhà nước:

Điểm trung bình trong thang đo đánh giá 3 lĩnh vực y tế, giáo dục và vay vốn tín dụng tương ứng với mức *Ảnh hưởng khá nhiều*. Cụ thể: điểm số trung bình chung đánh giá của cán bộ và người dân trong lĩnh vực y tế là 1,96/5 điểm; lĩnh vực giáo dục là 2,39/5 điểm và lĩnh vực vay vốn tín dụng là 2,84/5 điểm.

“Năm 2020, xã về đích NTM và các chế độ chính sách của học sinh, BHYT bị cắt giảm. Đây là 2 vấn đề nan giải tại địa phương: tình trạng bỏ học nhiều, nhất là ở cấp 2 vào các dịp sau nghỉ hè, sau tết; vận động người dân mua bảo hiểm cũng rất khó”.

PVS lãnh đạo UBND xã Hữu Kiệm

“Điều tra rà soát các hộ trung bình để tạo điều kiện cho người dân mua thẻ BHYT nhưng họ chưa thật sự mặn mà, chỉ những gia đình nào có người bị bệnh nền, thường ốm đau mới mua, còn người dân bình thường mua rất ít. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT của xã năm 2022 đạt rất thấp với tỷ lệ tầm trên 50%”

PVS lãnh đạo UBND xã Xá Lượng

Riêng lĩnh vực nội vụ, kết quả điểm số trung bình đánh giá của cán bộ là 2,16/5 điểm cho thấy *Ảnh hưởng khá nhiều* của sự thay đổi chính sách tới đối tượng cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các xã này (trong đó 46,8% cho là ảnh hưởng rất nhiều và 24,0% cho là ảnh hưởng khá nhiều).

Lĩnh vực đất đai và khoanh nuôi bảo vệ rừng đều có sự ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân nhưng ở mức độ ít hơn so với y tế, giáo dục, vay vốn

tín dụng. Điểm số trung bình chung đánh giá của cán bộ và người dân trong lĩnh vực đất đai là 3,14/ 5 điểm tương ứng mức *Ảnh hưởng trung bình* và trong lĩnh vực bảo vệ rừng là 3,42/5 điểm tương ứng mức *Ảnh hưởng ít*.

Bảng 2.3. Mức độ ảnh hưởng của thay đổi chính sách khi không còn sự hỗ trợ của nhà nước (xã đạt chuẩn NTM)

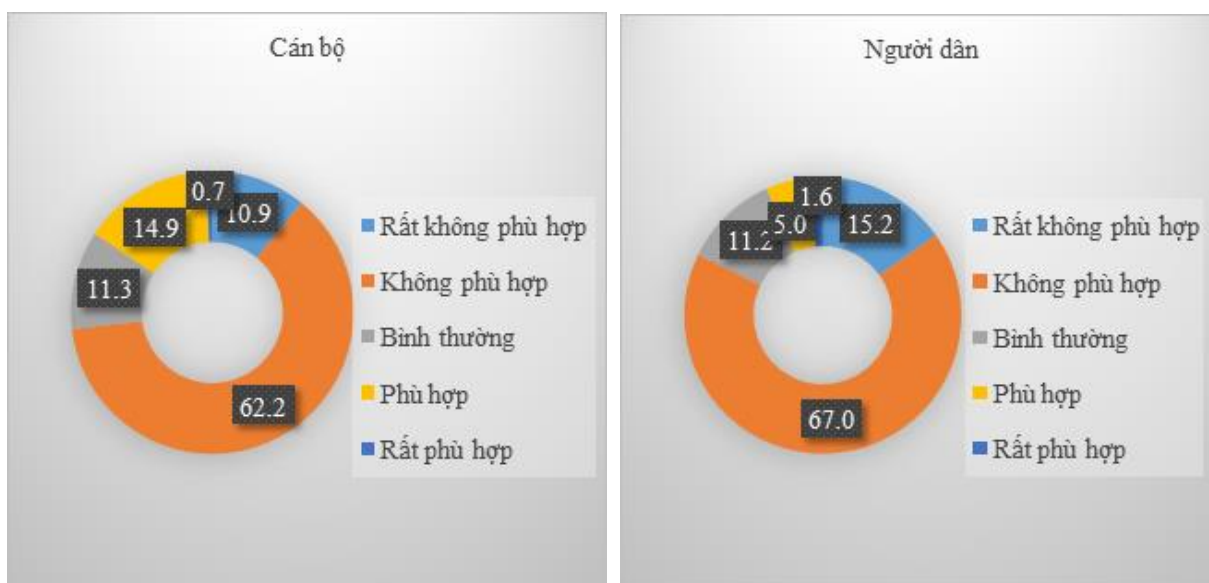
Lĩnh vực	Đối tượng	Ảnh hưởng rất nhiều	Ảnh hưởng khá nhiều	Ảnh hưởng trung bình	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng	Điểm TB		Đánh giá chung
1. Y tế	Cán bộ	54,8	20,4	10,2	8,9	5,7	1,90	1,96	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	57,1	15,3	9,4	5,9	12,3	2,01		
2. Giáo dục	Cán bộ	23,9	34,8	14,2	16,8	10,3	2,55	2,39	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	49,2	16,1	12,6	7,0	15,1	2,23		
3. Vay vốn tín dụng	Cán bộ	23,6	33,1	17,2	12,7	13,4	2,59	2,84	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	26,6	16,3	15,3	6,4	35,5	3,08		
4. Đất đai (đất ở, đất sản xuất)	Cán bộ	25,8	16,6	26,5	11,9	19,2	2,82	3,14	Bình thường
	Người dân	18,7	14,1	14,6	8,6	43,9	3,45		
5. Khoanh nuôi bảo vệ rừng	Cán bộ	15,2	27,8	18,5	9,9	28,5	3,08	3,42	Ảnh hưởng ít
	Người dân	13,3	11,5	14,0	7,5	53,5	3,76		
6. Nội vụ	Cán bộ	46,8	24,0	7,8	9,1	12,3	2,16	3,08	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	13,8	7,4	9,5	4,2	65,1	4,00		

(Nguồn: Số liệu điều tra)

*** Tại xã chưa đạt chuẩn NTM (khu vực III):**

- Tính phù hợp của việc cắt giảm cơ chế chính sách:

Việc cắt giảm cơ chế chính sách của các xã khu vực III là *không phù hợp* thực tiễn của địa phương: điểm số trung bình chung đánh giá của cán bộ và người dân là 2,22/5 điểm; trong đó điểm số đánh giá của cán bộ là 2,32/5 điểm (trong đó có 10,9% cho là rất không phù hợp và 62,2% cho là không phù hợp); điểm số đánh giá của người dân là 2,11/5 điểm (trong đó có 15,2% cho là rất không phù hợp và 67,0% cho là không phù hợp).



Hình 2.5. Tính phù hợp của việc cắt giảm cơ chế chính sách hỗ trợ của nhà nước so với thực tiễn tại các xã ĐBKK (xã chưa đạt chuẩn NTM)

(Nguồn: Số liệu điều tra)

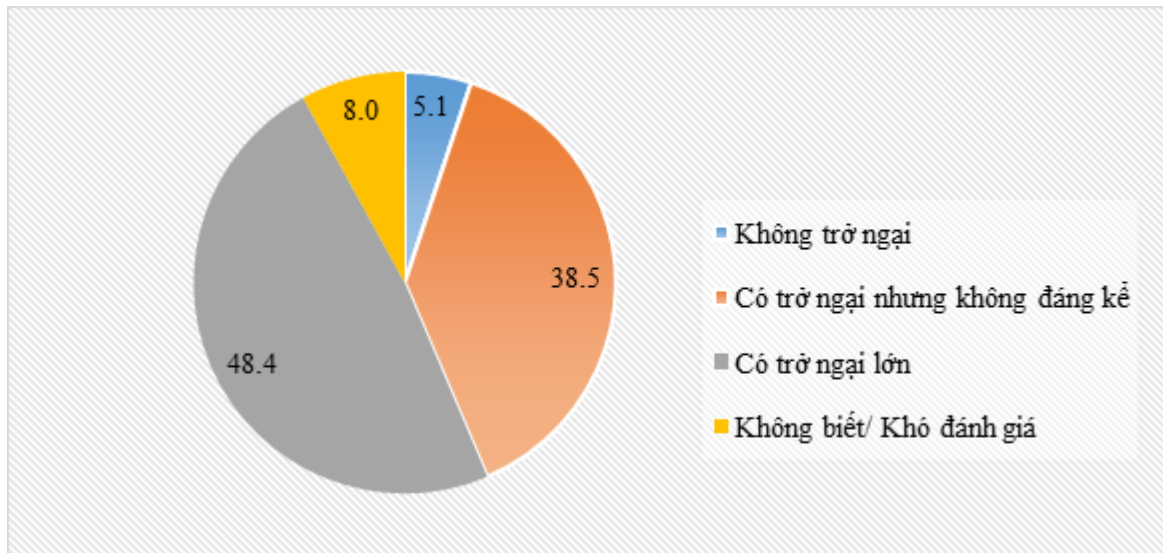
“Xã chúng tôi đang là xã vùng ĐBKK, được Đảng và chính quyền quan tâm làm điểm xây dựng xã NTM, nhưng thực tế tôi thấy chưa phù hợp vì người dân ở đây còn rất khó khăn về mọi mặt, dân chủ yếu đi làm ăn tự do không có việc làm ổn định, thu nhập thấp”.

Ý kiến của người dân tại xã Châu Hội

“Dân thu nhập còn thấp, công ăn việc làm không có, thời tiết khắc nghiệt, địa hình đồi núi... Nếu như nhà nước cắt giảm cơ chế chính sách hỗ trợ thì vấn đề tái nghèo tại xã là rất cao”

Ý kiến của người dân tại xã Tà Cạ

- Dưới góc độ đánh giá của đội ngũ cán bộ, việc không còn được thụ hưởng các cơ chế chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với các xã khu vực III sau khi về đích NTM (theo Quyết định 861/QĐ-TTg) sẽ không tránh khỏi *trở ngại* cho việc xây dựng và phấn đấu về đích NTM của các xã này. Có 48,4% số ý kiến cho là có trở ngại lớn; 38,5% số ý kiến cho là có trở ngại nhưng không đáng kể; chỉ có 5,1% số ý kiến cho là không trở ngại và 8,0% còn lại không biết/khó đánh giá.



Hình 2.6. Sự thay đổi cơ chế chính sách đến việc xây dựng và phân đầu về đích NTM tại các xã ĐBK (xã chưa đạt chuẩn NTM)

(Nguồn: Số liệu điều tra)

Tư tưởng trong dân không muốn xây dựng NTM nếu không được thụ hưởng chính sách là một thực tế; từ đó gây trở ngại cho việc xây dựng và phân đầu về đích NTM của địa phương. Nếu dân không đồng lòng, góp sức, góp tiền của và không ủng hộ xây dựng NTM thì chính quyền khó xây dựng NTM đạt chuẩn theo kế hoạch.

- Mức độ ảnh hưởng nếu không còn sự hỗ trợ của Nhà nước:

Điểm số trung bình chung đánh giá của cán bộ và người dân về lĩnh vực y tế là 1,64/5 điểm tương ứng mức *Ảnh hưởng rất nhiều*, cho thấy sự thay đổi chính sách sẽ ảnh hưởng lớn đến vấn đề chăm sóc sức khỏe của nhân dân. Điểm số trung bình chung các lĩnh vực: giáo dục, vay vốn tín dụng, đất đai, khoanh nuôi bảo vệ rừng từ 1,92 đến 2,56/5 điểm tương ứng với mức *Ảnh hưởng khá nhiều*.

“Cuộc sống của người dân còn khó khăn nếu cắt giảm các chính sách hỗ trợ thì càng khó khăn hơn, đặc biệt là BHYT”

Ý kiến của người dân tại xã Châu Đình

“Xã tái định cư của Thủy điện Bản Vẽ hoàn cảnh khó khăn, dân trí thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao. Nếu cắt giảm các chính sách hỗ trợ thì ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của người dân”

Ý kiến của người dân tại xã Ngọc Lâm

Điểm số trung bình đánh giá của đội ngũ cán bộ về lĩnh vực nội vụ là 1,80/5 điểm tương ứng mức *Ảnh hưởng rất nhiều*, cho thấy sự thay đổi chính sách sẽ ảnh hưởng lớn tới đối tượng cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các xã này (46,7% cho là ảnh hưởng rất nhiều và 35,6% cho là ảnh hưởng khá nhiều).

Trong tương quan so sánh, cán bộ và người dân tại các xã đạt chuẩn NTM đã và đang dần thích nghi với sự thay đổi về cơ chế chính sách nên trong cảm nhận, đánh giá của họ mọi mặt đời sống bị ảnh hưởng nhưng mức độ ít hơn so với đánh giá của đội ngũ cán bộ, người dân đang làm việc và sinh sống ở các xã khu vực III. Trong công tác tuyên truyền, chính quyền địa phương đã lồng ghép phổ biến cho người dân nắm bắt và hiểu được về đích NTM “được hưởng lợi gì”, “sẽ mất gì” nhưng đa phần người dân lo lắng, sợ mất chính sách hỗ trợ, nhất là về BHYT.

Bảng 2.4. Mức độ ảnh hưởng của thay đổi chính sách khi không còn sự hỗ trợ của nhà nước (xã chưa đạt chuẩn NTM)

Lĩnh vực	Đối tượng	Ảnh hưởng rất nhiều	Ảnh hưởng khá nhiều	Ảnh hưởng trung bình	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng	Điểm TB		Đánh giá chung
1. Y tế	Cán bộ	56,5	32,7	6,7	1,1	3,0	1,61	1,64	Ảnh hưởng rất nhiều
	Người dân	67,3	17,6	3,4	4,6	7,1	1,67		
2. Giáo dục	Cán bộ	39,2	43,7	8,2	4,9	4,1	1,91	1,92	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	55,2	23,6	5,2	5,2	10,8	1,93		
3. Vay vốn tín dụng	Cán bộ	44,3	32,1	14,0	4,8	4,8	1,94	2,08	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	47,3	20,1	10,9	6,6	15,1	2,22		
4. Đất đai (đất ở, đất sản xuất)	Cán bộ	32,7	36,1	18,6	7,2	5,3	2,16	2,24	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	44,8	19,6	11,8	7,0	16,9	2,32		
5. Khoanh nuôi bảo vệ rừng	Cán bộ	30,4	34,2	18,3	8,4	8,7	2,31	2,56	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	35,5	18,9	7,9	5,8	31,9	2,80		
6. Nội vụ	Cán bộ	46,7	35,6	12,6	1,5	3,7	1,80	2,61	Bình thường
	Người dân	23,9	16,4	4,7	3,7	51,4	3,42		

(Nguồn: Số liệu điều tra)

2.3. Tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng nông thôn mới

Qua thăm dò ý kiến của đội ngũ cán bộ và người dân đánh giá về 8 yếu tố có tầm quan trọng ảnh hưởng đến quá trình xây dựng NTM, kết quả như sau:

*** Tại xã đạt chuẩn NTM (khu vực I):**

Điểm trung bình trong đánh giá chung của cán bộ và người dân về mức độ ảnh hưởng của 8 yếu tố từ 2,07/5 điểm đến 2,68/5 điểm. Trong đó, có 7 yếu tố ở

mức *Ảnh hưởng khá nhiều* (giá trị trung bình từ 2,07 đến 2,44 điểm) và 1 yếu tố mức *Ảnh hưởng trung bình* (giá trị trung bình là 2,68/ 5 điểm). Trong đó, yếu tố điều kiện kinh tế/ Thu nhập của người dân có sự ảnh hưởng lớn nhất và yếu tố vai trò của người có uy tín trong cộng đồng có sự ảnh hưởng ít nhất.

Bảng 2.5. Tâm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng NTM (xã đạt chuẩn NTM)

Các yếu tố	Đối tượng	Ảnh hưởng rất nhiều	Ảnh hưởng khá nhiều	Ảnh hưởng trung bình	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng	Điểm TB		Đánh giá chung
1.Vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức CT-XH	Cán bộ	58,5	16,5	11,4	4,0	9,7	1,90	2,24	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	35,7	22,3	13,5	5,2	23,4	2,58		
2.Năng lực của cán bộ địa phương (xã, thôn/bản)	Cán bộ	54,0	22,2	9,1	6,2	8,5	1,93	2,25	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	35,3	2,2	15,0	5,6	21,9	2,57		
3.Trình độ dân trí/nhận thức của người dân	Cán bộ	40,1	34,3	12,2	5,8	7,6	2,06	2,20	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	37,6	24,5	17,4	7,4	13,1	2,34		
4.Điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở	Cán bộ	49,2	28,5	8,4	5,6	8,4	1,96	2,09	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	38,2	30,9	12,9	6,5	11,5	2,22		
5.Điều kiện kinh tế/Thu nhập của người dân	Cán bộ	55,7	15,3	14,8	8,0	6,2	1,94	2,07	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	41,0	26,3	16,9	4,7	11,1	2,19		
6.Sự huy động nội lực của cộng đồng	Cán bộ	44,9	33,5	11,9	7,4	2,3	1,87	2,14	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	40,6	20,2	15,1	7,0	17,1	2,40		
7.Các chương trình, dự án được triển khai tại địa phương	Cán bộ	50,8	24,3	13,6	7,9	3,4	1,89	2,44	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	28,7	15,2	15,2	11,3	29,6	2,98		
8.Vai trò của người có uy tín trong cộng đồng	Cán bộ	25,6	40,3	14,2	3,4	16,5	2,45	2,68	Bình thường
	Người dân	29,8	14,9	17,3	10,7	27,4	2,91		

(Nguồn: Số liệu điều tra)

*** Tại xã chưa đạt chuẩn NTM (khu vực III):**

Điểm trung bình trong đánh giá chung của cán bộ và người dân về mức độ ảnh hưởng của 8 yếu tố từ 1,67/5 điểm đến 2,30/5 điểm. Trong đó, có 2 yếu tố ở mức *Ảnh hưởng rất nhiều* (giá trị trung bình là 1,67 và 1,76 điểm) và 6 yếu tố ở mức *Ảnh hưởng khá nhiều* (giá trị trung bình từ 1,84 đến 2,30 điểm). Tương tự, điều kiện kinh tế/ Thu nhập của người dân là yếu tố có sự ảnh hưởng lớn nhất và yếu tố vai trò của người có uy tín trong cộng đồng có sự ảnh hưởng ít nhất.

Bảng 2.6. Tầm quan trọng của các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình xây dựng NTM (xã chưa đạt chuẩn NTM)

Các yếu tố	Đối tượng	Ảnh hưởng rất nhiều	Ảnh hưởng khá nhiều	Ảnh hưởng trung bình	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng	Điểm TB		Đánh giá chung
1. Vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức CT-XH	Cán bộ	49,4	26,6	9,9	5,3	8,7	1,97	1,93	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	50,2	28,3	11,0	4,7	5,8	1,88		
2. Năng lực của cán bộ địa phương (xã, thôn/bản)	Cán bộ	41,7	32,3	12,4	6,0	7,5	2,05	2,01	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	44,3	32,3	12,0	5,4	6,0	1,97		
3. Trình độ dân trí/ nhận thức của người dân	Cán bộ	48,5	33,8	11,2	4,2	2,3	1,78	1,84	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	48,4	25,2	18,1	4,6	3,7	1,90		
4. Điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở	Cán bộ	48,9	36,8	7,9	4,1	2,3	1,74	1,76	Ảnh hưởng rất nhiều
	Người dân	52,3	29,2	10,8	3,6	4,1	1,78		
5. Điều kiện kinh tế/ Thu nhập của người dân	Cán bộ	63,6	25,7	5,9	4,1	0,7	1,53	1,67	Ảnh hưởng rất nhiều
	Người dân	52,5	23,4	18,2	2,7	3,2	1,81		
6. Sự huy động nội lực của cộng đồng	Cán bộ	45,4	35,8	11,5	5,0	2,3	1,83	1,88	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	48,7	26,0	14,5	6,3	4,5	1,92		
7. Các chương trình, dự án được triển khai tại địa phương	Cán bộ	40,2	36,0	14,6	4,2	5,0	1,98	2,03	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	39,3	32,2	16,8	5,0	6,7	2,08		
8. Vai trò của người có uy tín trong cộng đồng	Cán bộ	26,6	36,3	21,6	5,4	10,0	2,36	2,30	Ảnh hưởng khá nhiều
	Người dân	35,3	29,0	21,3	6,6	7,8	2,23		

(Nguồn: Số liệu điều tra)

Như vậy, đặt trong tương quan so sánh giữa các xã đạt chuẩn và chưa đạt chuẩn NTM cho thấy sự khá tương đồng trong đánh giá của đội ngũ cán bộ và người dân về tầm quan trọng ảnh hưởng của các yếu tố đến quá trình xây dựng NTM. Yếu tố nào có mức độ ảnh hưởng càng lớn đồng nghĩa yếu tố đó có tính quyết định, tác động càng lớn đến sự thành công của chương trình xây dựng NTM.

Thứ tự các yếu tố từ ảnh hưởng lớn nhất tới ảnh hưởng ít nhất trong cuộc khảo sát này tại các xã khu vực III là: (1) Điều kiện kinh tế/ Thu nhập của người dân => (2) Điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở => (3) Trình độ dân trí/ nhận thức của người dân => (4) Sự huy động nội lực của cộng đồng => (5) Vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội => (6) Năng lực của cán bộ địa phương (xã, thôn/bản) => (7) Các chương trình, dự án được triển khai tại địa phương => (8) Vai trò của người có uy tín trong cộng đồng.

- Điều kiện kinh tế/ Thu nhập của người dân: Phát triển nông thôn không thể tách rời với phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân. Đặc biệt, đối với 17 xã chưa đạt chuẩn NTM trong khảo sát này, kinh tế còn thấp và chỉ có 1 xã duy nhất hoàn thành tiêu chí Thu nhập (xã Châu Bình, huyện Quỳnh Châu). Thu nhập của người dân thấp vì việc huy động nguồn vốn càng khó khăn và có ảnh hưởng đến sự đầu tư phát triển sản xuất.

- Điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở: Các yếu tố tổng hòa của điều kiện tự nhiên (như: vị trí địa lý, khí hậu, đất đai, tài nguyên rừng...) và hạ tầng cơ sở (như: giao thông, thủy lợi, điện, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, chợ và nhà ở dân cư) được xem là yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến việc hoàn thành tiêu chí xây dựng NTM. Hơn nữa, hầu hết các xã khu vực III chưa đạt chuẩn NTM đều là xã vùng sâu, vùng xa cách xa trung tâm huyện nên ảnh hưởng đến việc giao lưu, trao đổi hàng hóa của người dân cũng như việc trao đổi thông tin, tiếp cận thị trường.

- Nhận thức của người dân: Một khi người dân đã nhận thức đúng đắn về chủ trương, nội dung của chương trình xây dựng NTM thì chính họ sẽ hăng hái tham gia xây dựng và phát triển nông thôn ngày càng văn minh, sạch đẹp; tăng gia sản xuất nâng cao thu nhập; tự nguyện đóng góp vào công cuộc xây dựng chung của toàn xã hội. Ngược lại, nếu người dân nhận thức chưa đầy đủ thì sẽ rất khó huy động nội lực của cộng đồng cũng như các hoạt động khác trong xây dựng NTM.

- Sự huy động nội lực của cộng đồng: Phát huy sự tham gia của người dân chính là góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, góp phần xây dựng thành công

NTM. Các xã khu vực III do đa số hộ dân đời sống kinh tế còn khó khăn nên việc huy động nhân dân đóng góp để xây dựng NTM còn rất ít. Việc huy động người dân tham gia chủ yếu là hiến đất giải phóng mặt bằng, tham gia ngày công lao động; có huy động đóng góp tiền mặt nhưng số tiền không được nhiều.

- Vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội: Các cơ quan chính quyền địa phương có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ phát triển nông thôn. Các tổ chức xã hội như: Hội phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh... có vai trò quan trọng trong việc hướng dẫn xây dựng thiết chế quản lý cộng đồng. Chính quyền địa phương có vai trò rất quan trọng trong việc huy động nguồn lực cũng như khả năng quản lý cơ sở, cách tiếp cận nông dân, tuyên truyền, vận động, tổ chức và hành động để đạt được các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra trong xây dựng NTM.

- Các chương trình, dự án được triển khai tại địa phương: Các chương trình, dự án trên địa bàn sẽ góp phần phát triển kinh tế - xã hội và tạo điều kiện cho cán bộ, người dân địa phương năng động, có cơ hội học tập nâng cao trình độ sản xuất và kinh nghiệm quản lý.

- Vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng: Những người có uy tín trong cộng đồng có ảnh hưởng đối với niềm tin của người dân. Đây là những người được thôn, bản bình chọn, suy tôn, là lực lượng nòng cốt, cầu nối quan trọng giữa Đảng, chính quyền với Nhân dân; có ảnh hưởng lớn trong công tác vận động đồng bào tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, hệ thống chính trị, đặc biệt là trong xây dựng NTM ở địa phương.

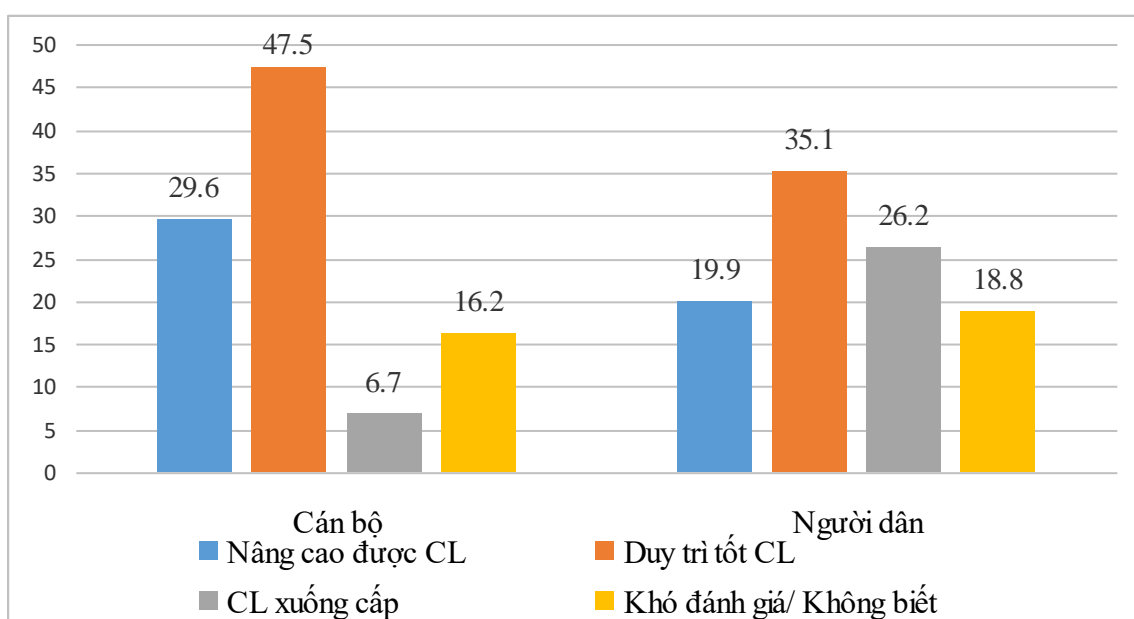
Từ kết quả đánh giá của cán bộ và người dân cho thấy, thu nhập của người dân là yếu tố có tính quyết định, là hạt nhân trong việc thực hiện chương trình, thể hiện sự thay đổi về chất, bảo đảm tính bền vững trong xây dựng NTM tại các xã ĐBKK. Tiếp đến là việc hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống được xem là động lực phát triển kinh tế - xã hội tại các xã ĐBKK. Do đó, trước mắt các xã ĐBKK cần tập trung nguồn lực để nâng cao thu nhập và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng.

2.4. Một số kết quả và vấn đề đặt ra trong thực hiện xây dựng nông thôn mới tại các địa phương

*** Tại xã đạt chuẩn NTM (khu vực I):**

Việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn NTM là vấn đề quan trọng được đặt ra hàng đầu bởi nếu không giữ được các tiêu chí tỉnh sẽ xem xét thu hồi danh hiệu xã nông thôn mới.

Kết quả khảo sát tại 9 xã, phần lớn cán bộ và người dân đánh giá khá tốt công tác duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM tại địa phương. Nhìn chung, các xã đã đạt chuẩn đang duy trì được các tiêu chí đạt chuẩn, có nhiều tiêu chí được nâng cao hơn. Cụ thể: có 29,6% số cán bộ và 19,9% số người dân nhận xét rằng các tiêu chí “nâng cao được chất lượng”; có 47,5% số cán bộ và 35,1% số người dân nhận xét rằng các tiêu chí “duy trì tốt chất lượng”. Tuy nhiên, có 6,7% số cán bộ và có tới 26,2% số người dân cho rằng các tiêu chí có dấu hiệu “chất lượng xuống cấp” ở các tiêu chí/ hạng mục như: đường giao thông, nhà văn hóa các bản, môi trường, thủy lợi, hộ nghèo, an ninh - quốc phòng nguy cơ tiềm ẩn phức tạp về ma túy...



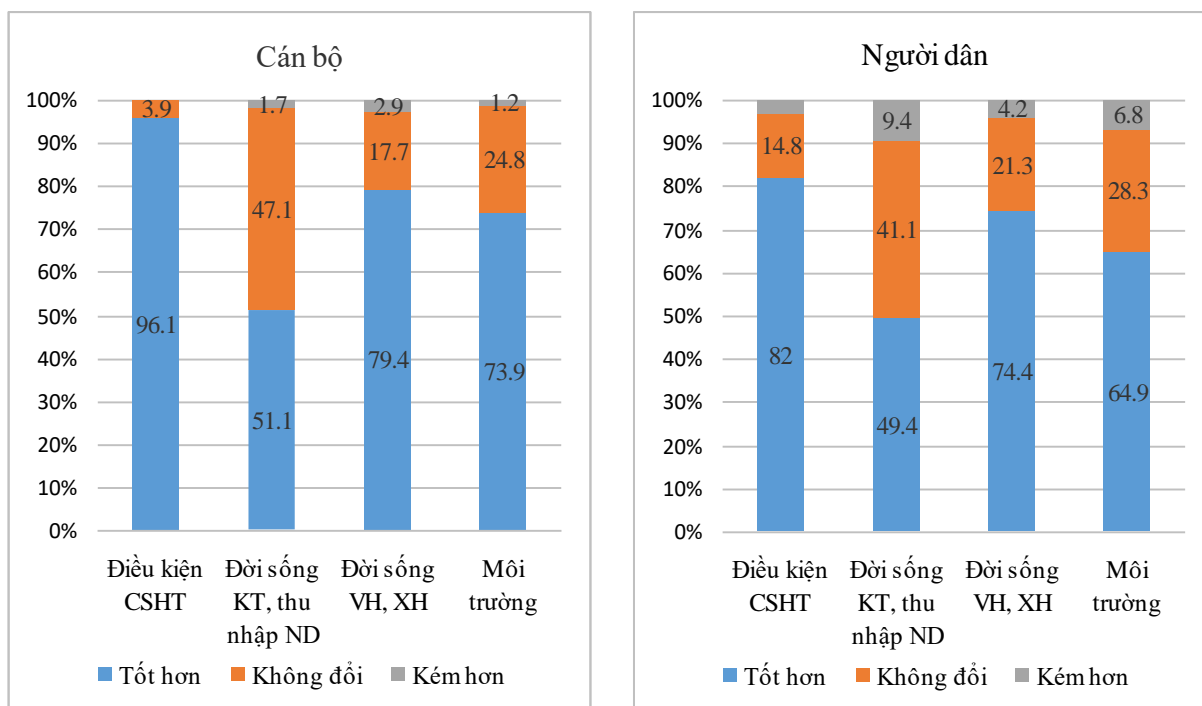
Hình 2.7. Công tác duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã NTM tại các địa phương (xã đạt chuẩn NTM)

(Nguồn: Số liệu điều tra)

Đánh giá của đội ngũ cán bộ và người dân về những tiêu chí NTM đang phát huy hiệu quả tốt nhất tại địa phương hiện nay, kết quả ghi nhận top 3/19 tiêu chí có tỷ lệ đánh giá hiệu quả nhất gồm: tiêu chí Giao thông (64,9% số lượt ý kiến); tiêu chí Điện (46,1% số lượt ý kiến); tiêu chí Trường học (29,2% số lượt ý kiến). Đây là 3 tiêu chí trong nhóm hạ tầng kinh tế - xã hội. (Xem thêm phần Phụ lục 1 - Câu 4, phần I).

Những kết quả các địa phương đạt được tính đến nay được cán bộ và người dân đánh giá tốt hơn so với khi chưa bắt đầu thực hiện chương trình với tỷ lệ đồng ý từ 49,4% đến 96,1% trên các phương diện/ lĩnh vực: điều kiện cơ sở

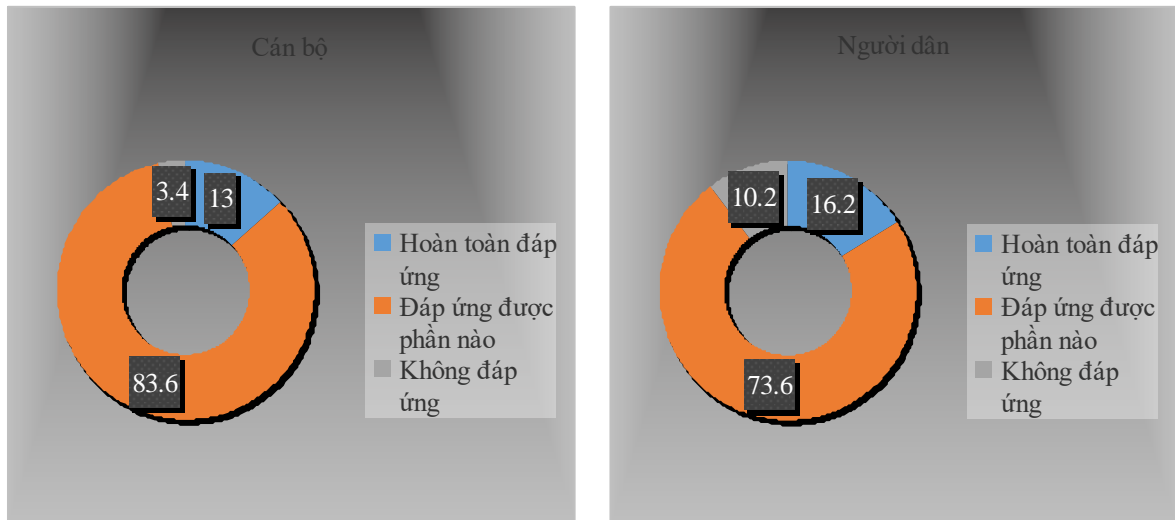
hạ tầng địa phương; đời sống kinh tế dân cư/ thu nhập của người dân; đời sống văn hóa, xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, an ninh...); môi trường. Trong đó, điều kiện cơ sở hạ tầng địa phương được đánh giá kết quả tốt nhất (96,1% cán bộ và 82,0% người dân đánh giá tốt hơn) và đời sống kinh tế dân cư/ thu nhập của người dân được đánh giá kết quả thấp nhất (51,1% cán bộ và 49,4% người dân đánh giá tốt hơn; 47,1% cán bộ và 41,1% người dân cho là không đổi). Mặc dù các xã đã về đích NTM nhưng thực tế thu nhập của người dân vẫn chưa ổn định, tìm hướng sản xuất chưa đáp ứng nhu cầu cơ bản.



Hình 2.8. Kết quả xây dựng NTM của địa phương so với khi chưa thực hiện chương trình (xã đạt chuẩn NTM)

(Nguồn: Số liệu điều tra)

Những kết quả thực hiện xây dựng NTM tại các địa phương tính đến nay vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng được sự kỳ vọng của cán bộ và người dân. Có 13,0% số cán bộ và 16,2% số người dân đồng tình rằng chương trình “hoàn toàn đáp ứng được”. Có 83,6% số cán bộ và 73,6% số người dân đồng tình rằng chương trình “đáp ứng được phần nào”. Bên cạnh đó, có 3,4% số cán bộ và 10,2% số người dân cho rằng chương trình “không đáp ứng” được kỳ vọng của họ bởi một số tiêu chí chưa đạt như: CSHT có dấu hiệu xuống cấp (giao thông, kênh mương, nhà văn hóa...); vệ sinh môi trường chưa có biện pháp xử lý; thiếu nước sạch sinh hoạt; thu nhập không ổn định; tỷ lệ hộ nghèo và cận nghèo còn khá cao....



Hình 2.9. Kết quả xây dựng NTM của các địa phương hiện nay so với kỳ vọng (xã đạt chuẩn NTM)

(Nguồn: Số liệu điều tra)

Khi nhìn nhận đánh giá lại về quá trình triển khai, thực hiện xây dựng NTM tại địa phương, kết quả khảo sát chỉ ra một số tồn tại, bất cập như:

+ Có sự áp đặt, mang tính hình thức trong triển khai chương trình xây dựng NTM tại địa phương: điểm trung bình đánh giá chung của cán bộ và người dân là 2,90/5 điểm tương ứng với mức *Trung bình* (trong đó, điểm đánh giá của cán bộ là 2,88/5 điểm và người dân là 2,92/5 điểm). Đó là tình trạng “ép chất lượng”, một số tiêu chí đạt nhưng chất lượng chưa cao hay cho nợ tiêu chí hoàn thành. Việc chạy theo chỉ tiêu để hoàn thành dẫn đến ảnh hưởng đời sống người dân, vốn nghèo lại càng nghèo hơn.

“*Kinh tế nhiều hộ đang còn khó khăn, tiêu chí đánh giá hộ nghèo chưa phù hợp; cán bộ khuyến khích dân ra khỏi hộ nghèo để đạt tiêu chí Hộ nghèo*”
Ý kiến của người dân xã Hữu Kiệm

“*Điều kiện kinh tế của địa phương thực tế còn nhiều khó khăn. Về đích NTM còn hình thức hay còn gọi là bệnh thành tích, chưa sát đúng thực tế*”.
Ý kiến của cán bộ xã Tam Đình

+ Vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước trong một bộ phận cán bộ và người dân trong xây dựng NTM tại các địa phương. Điểm trung bình chung đánh giá của cán bộ và người dân là 3,15/5 điểm tương ứng với mức *Trung bình* (điểm đánh giá của cán bộ là 3,38/5 điểm và người dân là 2,92/5 điểm).

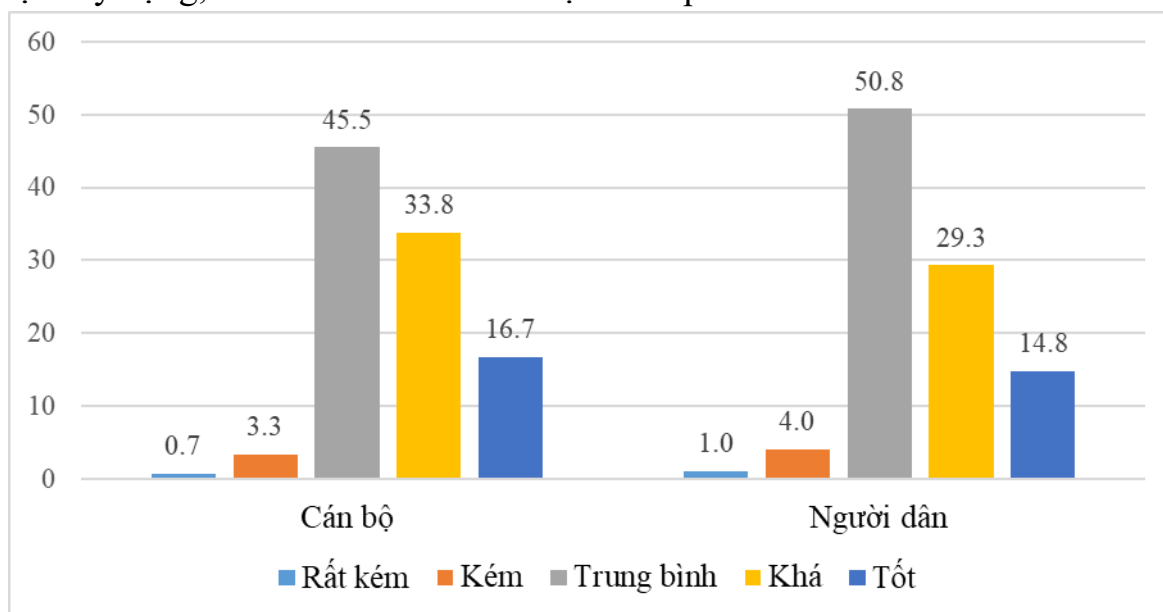
+ Tốp 3/19 tiêu chí có tỷ lệ đánh giá đang khó khăn nhất trong việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí sau khi đạt chuẩn NTM theo thứ tự gồm:

tiêu chí Thu nhập (57,6% số lượt ý kiến); tiêu chí Lao động có việc làm (42,7% số hộ); tiêu chí Hộ nghèo (32,9% số hộ). Đây đều là 3 tiêu chí trong nhóm kinh tế và tổ chức sản xuất. (Xem thêm phần Phụ lục 1 - Câu 5, phần I).

*** Tại xã chưa đạt chuẩn NTM (khu vực III):**

Qua báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM của 17 xã được khảo sát, tổng hợp có 10/17 xã có đăng ký về đích NTM giai đoạn 2021 - 2025. Ban chỉ đạo xây dựng NTM các xã đang nỗ lực chỉ đạo thực hiện phấn đấu đạt theo kế hoạch đăng ký, tuy nhiên trong quá trình triển khai thực tế đang gặp nhiều khó khăn để cán đích. Qua nhận định, đánh giá của đại diện lãnh đạo Ban chỉ đạo xã: Xã Văn Lợi (Quỳ Hợp) và xã Châu Kim (Quế Phong) có khả năng về đích như kế hoạch; các xã Châu Bình (Quỳ Châu), Châu Đình (Quỳ Hợp), Yên Na (Tương Dương), Đồng Văn (Quế Phong), Tà Cạ (Kỳ Sơn), Nậm Cắn (Kỳ Sơn) khó về đích đúng kế hoạch; xã Lưu Kiên (Tương Dương) và xã Hữu Lập (Kỳ Sơn) không thể về đích đúng kế hoạch. Các tiêu chí hiện mới đạt từ 9 - 14/19 tiêu chí.

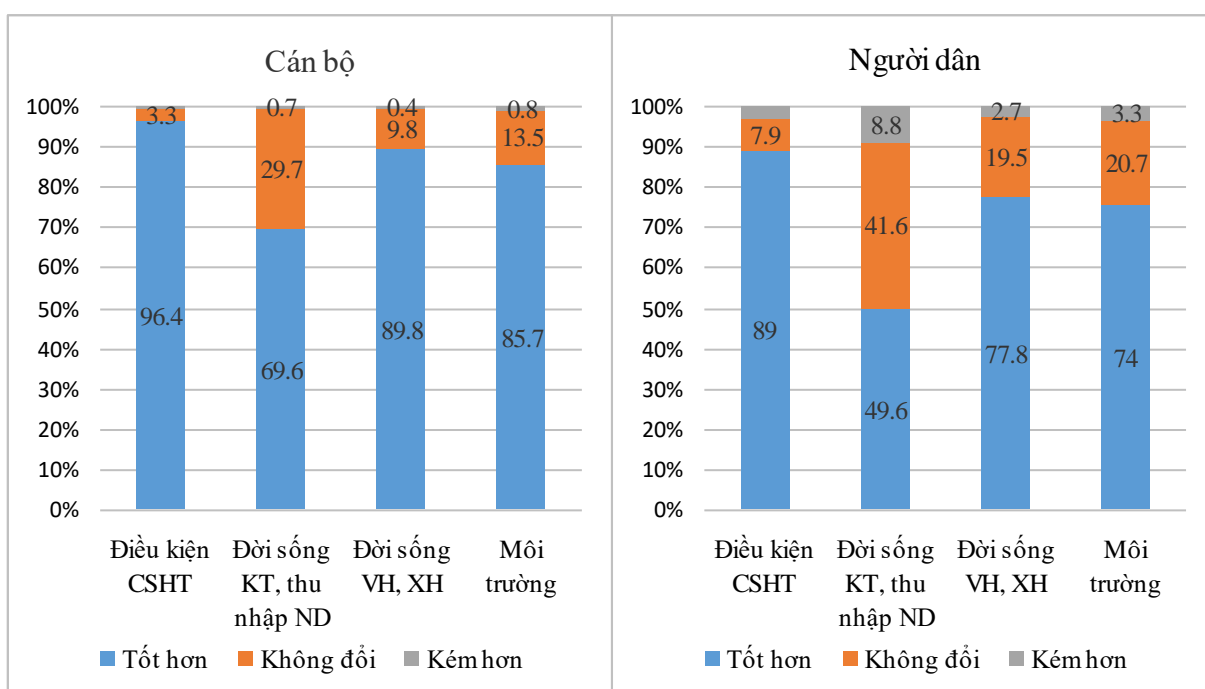
Kết quả khảo sát cho thấy, công tác xây dựng NTM cho tới hiện nay tại các địa phương được đội ngũ cán bộ và người dân đánh giá khá tốt. Điểm trung bình chung đánh giá của cán bộ và người dân là 3,58/5 điểm (cán bộ là 3,63/5 điểm và người dân là 3,53/5 điểm). Nhìn chung, người dân tích cực hưởng ứng chủ trương, kế hoạch của Đảng ủy, UBND xã đề ra. Trong đó, việc xây dựng NTM ở thôn, bản thực hiện khá tốt và đã vận động người dân hiến đất, làm đường, góp công, góp tiền để chung tay xây dựng các tuyến đường, CSVC nhà văn hóa cộng đồng, vệ sinh môi trường đường làng ngõ xóm, tích cực thực hiện việc xây dựng, sửa chữa nhà ở từ hỗ trợ của cấp trên.



Hình 2.10. Kết quả xây dựng NTM tính đến hiện nay của các địa phương (xã chưa đạt chuẩn NTM)

(Nguồn: Số liệu điều tra)

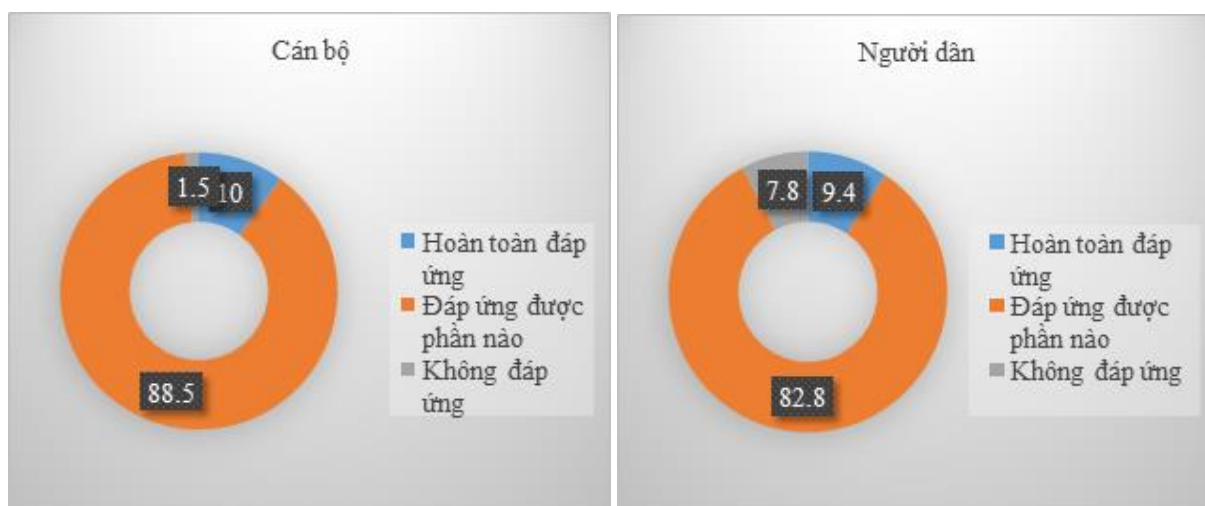
So sánh với khi chưa thực hiện chương trình, những kết quả địa phương đạt được trong xây dựng NTM tính đến nay được cán bộ và người dân đánh giá tốt hơn so với khi chưa bắt đầu thực hiện chương trình với tỷ lệ đồng ý từ 49,6% đến 96,4% trên các phương diện/ lĩnh vực: điều kiện cơ sở hạ tầng địa phương; đời sống kinh tế dân cư/ thu nhập của người dân; đời sống văn hóa, xã hội (giáo dục, y tế, văn hóa, an ninh...); môi trường. Trong đó, điều kiện cơ sở hạ tầng địa phương được đánh giá kết quả tốt nhất (96,4% cán bộ và 89,0% người dân đánh giá tốt hơn) và đời sống kinh tế dân cư/ thu nhập của người dân được đánh giá kết quả thấp nhất (69,6% cán bộ và 49,6% người dân đánh giá tốt hơn; 29,7% cán bộ và 41,6% người dân cho là không đổi).



Hình 2.11. Kết quả xây dựng NTM của các địa phương so với khi chưa thực hiện chương trình (xã chưa đạt chuẩn NTM)

(Nguồn: Số liệu điều tra)

Nhìn chung, những kết quả thực hiện xây dựng NTM tại các địa phương tính đến nay chưa hoàn toàn đáp ứng được sự kỳ vọng của cán bộ và người dân. Chỉ có 10,0% số cán bộ và 9,4% số người dân đồng tình rằng chương trình “hoàn toàn đáp ứng được”. Có 88,5% số cán bộ và 82,8% số người dân đồng tình rằng chương trình “đáp ứng được phần nào”. Bên cạnh đó, có 1,5% số cán bộ và 7,8% số người dân cho rằng chương trình “không đáp ứng” được kỳ vọng của họ bởi một số tiêu chí chưa đạt: một số tuyến đường chưa được bê tông hóa; thiếu nước sinh hoạt; kênh mương chưa đảm bảo; cây con các dự án đưa vào áp dụng hiệu quả chưa cao...



Hình 2.12. Kết quả xây dựng NTM của xã hiện nay so với kỳ vọng (xã chưa đạt chuẩn)

(Nguồn: Số liệu điều tra)

Khi nhìn nhận đánh giá lại về quá trình triển khai, thực hiện xây dựng NTM tại các địa phương, kết quả khảo sát chỉ ra một số tồn tại, bất cập như:

+ Một số tiêu chí “đã đạt chuẩn” nhưng chưa bền vững, chưa thực sự có hiệu quả như: quy hoạch, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, thủy lợi, môi trường và ATTP, an ninh - quốc phòng, tổ chức sản xuất...

TC7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn ở xã Ngọc Lâm (Thanh Chương): tuy có chợ nhưng chợ chưa có nơi để xe, quy hoạch ốt quán tạm bợ, chỉ bán theo phiên – chợ phiên.

TC3 Thủy lợi ở xã Văn Lợi (Quỳ Hợp): công trình có dấu hiệu xuống cấp do xây dựng từ khá lâu, chưa đảm bảo nước tưới cho một số diện tích cây trồng trong điều kiện thiên tai khắc nghiệt, hạn hán kéo dài.

TC19 An ninh - quốc phòng ở xã Ngọc Lâm (Thanh Chương) và xã Hạnh Dịch (Quế Phong): số người nghiện ma túy ngày càng tăng; nguy cơ tiềm ẩn phức tạp về ma túy.

TC17 Môi trường và ATTP ở xã Hạnh Dịch (Quế Phong): Thực phẩm rất khó kiểm soát, đặc biệt là việc kiểm tra chất lượng các mặt hàng ..V...V...

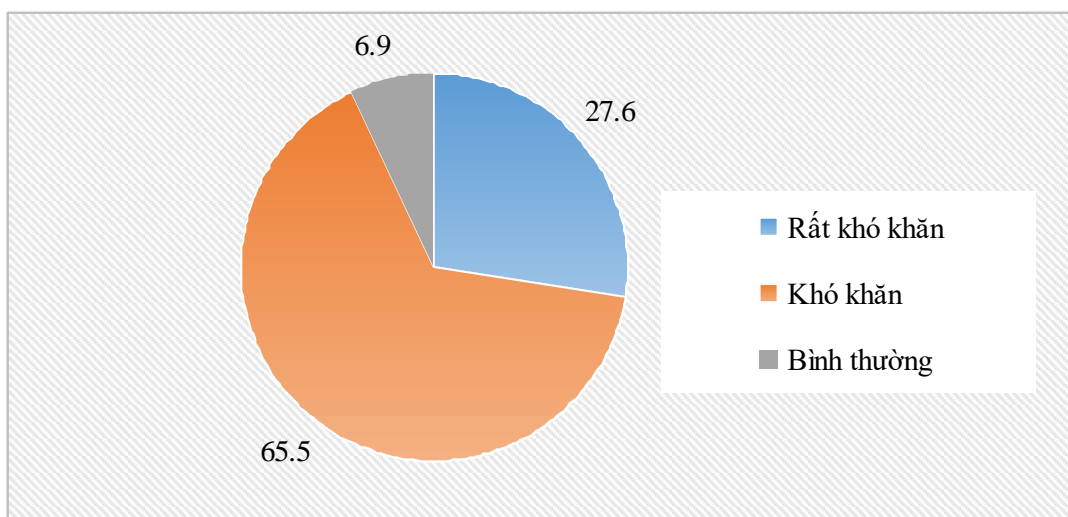
+ Có sự áp đặt, mang tính hình thức trong triển khai chương trình xây dựng NTM tại địa phương: điểm trung bình đánh giá chung của cán bộ và người dân là 2,85/5 điểm tương ứng với mức *Trung bình* (trong đó, điểm đánh giá của cán bộ là 2,87/5 điểm và người dân là 2,83/5 điểm). Lý giải cho vấn đề này bởi các ý kiến phản ánh rằng, địa phương phải thực hiện các tiêu chí trong khi các

điều kiện hiện tại đang còn nhiều khó khăn, dân còn nghèo. Bên cạnh đó, có sự “chiều cổ” trong việc xét đạt chuẩn một số tiêu chí.

+ Vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước trong một bộ phận cán bộ và người dân trong xây dựng NTM tại các địa phương. Điểm trung bình chung đánh giá chung của cán bộ và người dân là 3,21/5 điểm tương ứng với mức *Trung bình* (cán bộ là 3,46/5 điểm và người dân là 2,96/5 điểm). Thay đổi nhận thức, xóa tư tưởng bằng lòng với hiện tại, thiếu ý thức vươn lên thoát nghèo trong một bộ phận người dân là vấn đề đã và đang đặt ra tại nhiều địa phương.

“Tinh trông chờ ỷ lại, ngại khó, sớm thỏa mãn vẫn còn diễn ra; người dân chưa mạnh dạn đầu tư chăm sóc cây trồng và vật nuôi”
Ý kiến đánh giá của lãnh đạo xã Ngọc Lâm

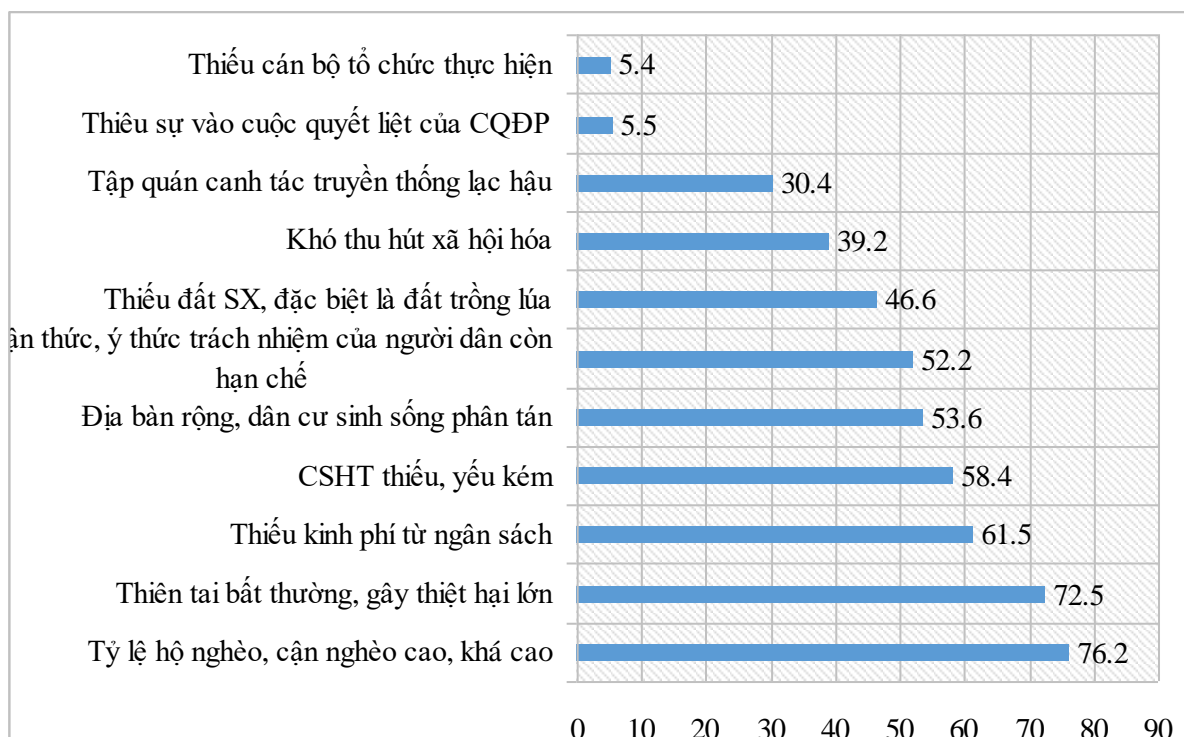
+ Đa số cán bộ và người dân đánh giá còn nhiều khó khăn để hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng xã NTM tại địa phương. Cụ thể, có 27,6% số ý kiến cho là Rất khó khăn; 65,5% số ý kiến cho là Khó khăn và 6,9% số ý kiến cho là Bình thường.



Hình 2.13. Mức độ khó khăn đối với việc hoàn thành 19 tiêu chí xây dựng NTM tại các địa phương (xã chưa đạt chuẩn NTM)

(Nguồn: Số liệu điều tra)

+ Tốp 5 khó khăn chính mà các địa phương đang gặp phải khi thực hiện các tiêu chí xây dựng NTM theo thứ tự là: Thứ 1 là tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao/ khá cao (76,2% số lượt ý kiến); Thứ 2 là thiên tai bất thường gây thiệt hại lớn (72,5% số lượt ý kiến); Thứ 3 là thiếu kinh phí từ ngân sách (61,5% số lượt ý kiến); Thứ 4 là cơ sở hạ tầng thiếu, yếu kém (58,4% số lượt ý kiến); Thứ 5 là địa bàn rộng, dân cư sinh sống phân tán (53,6% số lượt ý kiến). (Xem thêm phần Phụ lục 1 - Bảng 6).



Hình 2.14. Các khó khăn trong thực hiện các tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn NTM

(Nguồn: Số liệu điều tra)

+ Các tiêu chí “Chưa đạt chuẩn” khó thực hiện nhất theo tổng hợp đánh giá của đại diện lãnh đạo chính quyền địa phương là: Thu nhập, Hộ nghèo, Lao động có việc làm, Giao thông, Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, Nhà ở dân cư, Môi trường và ATTP....

TC10 Thu nhập ở xã Ngọc Lâm (Thanh Chương): diện tích đất canh tác sản xuất ít; sản xuất, chăn nuôi manh mún, nhỏ lẻ; người dân địa phương chủ yếu là sản xuất nông lâm nghiệp thu nhập thấp; thu nhập hiện tại rất thấp so với bình quân của huyện.

TC11 Hộ nghèo ở xã Châu Bình (Quỳ Châu): tỷ lệ hộ nghèo cao chiếm 38,40% thuộc hộ đồng bào DTTS sống rải rác ở các bản, trình độ dân trí thấp...; rất khó thực hiện để đạt xuống dưới 10%.

TC17 Môi trường và ATTP ở xã Tà Cạ (Kỳ Sơn): các ngõ ngách của thôn, bản xe môi trường không vào được, dân tự xử lý rác thải; nguồn thực phẩm tại chỗ không đủ, người dân mua ở nơi khác đến nên khó kiểm soát.

TC2 Giao thông ở xã Châu Đình (Quỳ Hợp): xã địa bàn rộng, hệ thống giao thông liên xã, liên xóm và nội xóm còn nhiều đoạn đường chưa được đầu tư xây dựng. Nguồn kinh phí bố trí cho đầu tư xây dựng còn ít chưa đáp ứng được nhu cầu của địa phương.

TC9 Nhà ở dân cư ở xã Lục Dạ (Con Cuông): 85 hộ nhà tạm, hầu như là hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn

TC7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn ở xã Châu Hội (Quỳ Châu): dân cư sống thưa thớt, không xây dựng được chợ...v...v...

*** Khó khăn trong triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới theo bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn.**

Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 của Trung ương (Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 8/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ) với 19 tiêu chí, 57 chỉ tiêu. Bộ tiêu chí này có những yêu cầu mới, nhiều chỉ tiêu theo hướng nâng cao và toàn diện hơn nên thực tế các địa bàn miền núi rất khó đạt được.

Ghi nhận từ cuộc khảo sát này có nhiều ý kiến đánh giá cho biết, quá trình triển khai tại các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi, một số tiêu chí/ nội dung rất khó thực hiện, không phù hợp thực tiễn như:

(1) TC 6 Cơ sở vật chất văn hóa: *Chỉ tiêu 6.2 Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và NCT theo quy định.* Lý do: xã miền núi rất khó khăn về quỹ đất.

(2) TC 7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn. *Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.* Lý do: ở nông thôn miền núi ít khi người dân họp chợ; có nơi chợ xây xong nhưng không sử dụng để giao thương gây lãng phí về diện tích, vốn đầu tư xây dựng.

(3) TC 9 Nhà ở dân cư: *Chỉ tiêu 9.2 Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố theo tiêu chuẩn bộ xây dựng trên 80% và không có nhà tạm dột nát.* Lý do: địa hình dốc, người dân ở trên đồi không có mặt bằng, rất hạn chế về diện tích nhà ở trong khi đó nhân khẩu đông (thường từ 4 - 6 người trở lên). Nếu theo tiêu chí nhà ở đạt chuẩn bộ xây dựng quy định 14m²/ người thì hầu hết các hộ dân không đạt diện tích nhà ở theo quy định này.

(4) TC 10 Thu nhập. *Thu nhập bình quân đầu người 42 triệu đồng/ người.* Lý do: mức quy định đạt chuẩn thu nhập bình quân đầu người quá cao nên khó đạt.

(5) TC 11 Hộ nghèo. *Tỷ lệ nghèo đa chiều dưới 10%.* Lý do: mức quy định đạt chuẩn hộ nghèo quá cao nên khó đạt.

(6) TC 17 Môi trường và ATTP: *Chỉ tiêu 17.1 Tỷ lệ hộ được sử dụng*

nước sạch theo quy chuẩn: $\geq 35\%$ sử dụng nước sạch; $\geq 15\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung. Lý do: người dân chủ yếu khai thác nguồn nước tự chảy qua hệ thống bể lọc thô chỉ đảm bảo hợp vệ sinh; người dân sống rải rác, điều kiện để xây dựng hệ thống nước tập trung rất khó.

Ngoài ra quy định địa phương phải có khu xử lý rác thải sinh hoạt, trong khi địa bàn dân cư ở thưa thớt, khoảng cách các thôn bản ở xa nhau....

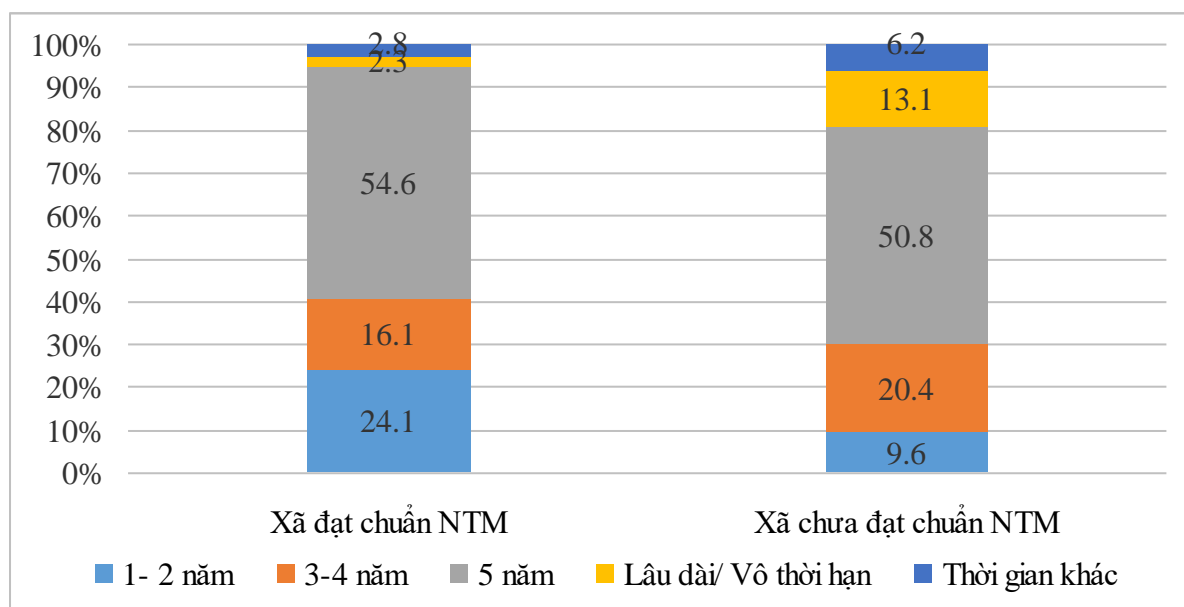
2.5. Nhu cầu, nguyện vọng của đội ngũ cán bộ và người dân về cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới

- Trong quá trình xây dựng NTM:

Tập trung nguồn lực, tăng cường đầu tư các dự án, chính sách hỗ trợ cho những xã đăng ký đạt chuẩn trong năm, trong giai đoạn để tạo động lực cho các xã, đồng thời đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí.

- Sau khi về đích NTM:

Đa số đội ngũ cán bộ tại 26 xã được khảo sát (xã đã đạt chuẩn và xã chưa đạt chuẩn NTM) đồng ý với đề xuất tiếp tục duy trì các cơ chế chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với xã khu vực III sau khi về đích NTM trong thời gian nhất định. 100% cán bộ tại xã đạt chuẩn và 98,9% cán bộ tại xã chưa đạt chuẩn đồng ý với vấn đề này. Phần lớn cán bộ đề xuất cho các xã khu vực III sau khi về đích NTM được tiếp tục hưởng cơ chế chính sách của Nhà nước trong thời gian từ 3 - 5 năm (tỷ lệ chiếm khoảng 70%). Cụ thể:



Hình 2.15. Thời gian được tiếp tục hưởng cơ chế chính sách của nhà nước sau khi xã về đích NTM

(Nguồn: Số liệu điều tra)

+ Cán bộ xã đạt chuẩn: 54,6% ý kiến đề xuất hưởng là 5 năm; 16,1% ý kiến đề xuất hưởng từ 3- 4 năm; 24,1% ý kiến đề xuất hưởng từ 1 - 2 năm; 2,3% ý kiến đề xuất hưởng lâu dài, vô thời hạn; 2,8% ý kiến còn lại đề xuất hưởng căn cứ vào thực tế của địa phương, người dân.

+ Cán bộ xã chưa đạt chuẩn: 50,8% ý kiến đề xuất hưởng là 5 năm; 20,4% ý kiến đề xuất hưởng từ 3- 4 năm; 9,6% ý kiến đề xuất hưởng từ 1 - 2 năm; 13,1% ý kiến đề xuất hưởng lâu dài, vô thời hạn; 6,2% ý kiến còn lại đề xuất hưởng căn cứ vào thực tế của địa phương, người dân.

Ghi nhận thêm về vấn đề này, nhiều đề xuất được đưa ra nhưng trong đó nhấn mạnh giữ nguyên chính sách hỗ trợ về giáo dục và BHYT cho người dân được hưởng trong vòng 3 - 5 năm để họ có tâm thế sẵn sàng. Một khi người dân vẫn nhận được sự hỗ trợ này thì chắc chắn xã ĐBKK, người dân ở xã ĐBKK sẽ tích cực tham gia xây dựng NTM.

*** Một số kết luận:**

(1) Đa số người dân có nghe, biết về chương trình xây dựng NTM nhưng mức độ nhận biết, thông hiểu chưa đầy đủ các nội dung được truyền tải. Cụ thể, có 98,5% người dân có biết về chủ trương, nội dung chương trình nhưng trong đó có tới 61,0% chỉ hiểu một phần. Điều này, một phần bị chi phối bởi nhận thức, trình độ dân trí của người dân chưa đồng đều và địa bàn rộng, cư dân sống rải rác, không tập trung gây khó khăn cho công tác truyền truyền các chủ trương chính sách.

Người dân đã tham gia, đóng góp ngày công lao động; tiền mặt, hiện vật xây dựng các công trình CSHT; hiến đất và tài sản trên đất làm đường giao thông... Tuy nhiên, do cuộc sống khó khăn, dân còn nghèo nên đóng góp tài chính trong dân còn hạn hẹp.

Việc quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của người dân xây dựng CSHT tại các xã ĐBKK được thực hiện tốt, báo cáo công khai trong dân (rất ít tiêu cực trong sử dụng các khoản đóng góp của dân với 76,2% cho biết không có tiêu cực).

(2) Việc triển khai xây dựng NTM tại các xã ĐBKK phát huy quy chế dân chủ cơ sở: thực hiện theo phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân giám sát, dân thụ hưởng” (điểm trung bình chung là 4,05/5 điểm tương ứng mức độ *Đồng ý*); trên tinh thần tự nguyện, cơ bản người dân chủ động đóng góp công

sức, vật lực trong xây dựng NTM (3,82/5 điểm tương ứng mức độ *Đồng ý*); đồng thời, việc huy động người dân tham gia, đóng góp xây dựng CSHT tại các địa phương khá phù hợp với sức dân (3,94/5 điểm tương ứng mức *Đồng ý*).

(3) Trong quá trình triển khai chương trình xây dựng NTM đã có các cơ chế chính sách, nguồn lực hỗ trợ nhân dân phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng CSHT nông thôn; từ đó góp phần cho các xã đạt các tiêu chí theo quy định. Tuy nhiên, đối với các xã ĐBKK điểm xuất phát thấp, ngành nghề việc làm thiếu ổn định, thu nhập thấp và bấp bênh. Việc cắt giảm các cơ chế, chính sách hỗ trợ của nhà nước sau khi về đích NTM tại các xã này được phần lớn cán bộ và người dân đánh giá là không phù hợp với thực tiễn của địa phương (điểm trung bình tại các xã đã đạt chuẩn là 2,38/5 điểm và tại các xã chưa đạt chuẩn là 2,32/5 điểm).

Việc cắt giảm các cơ chế, chính sách hỗ trợ của nhà nước sau khi xã đạt chuẩn NTM đã và đang ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần của cán bộ và người dân. Khi bị cắt giảm các chính sách, đời sống của người dân tại các xã ĐBKK sẽ bị ảnh hưởng nhiều, đặc biệt là chính sách về BHYT, giáo dục, vay vốn ưu đãi (lĩnh vực y tế là 1,64/5 điểm tương ứng mức *Ảnh hưởng rất nhiều*; lĩnh vực giáo dục là 1,92/5 điểm và vay vốn tín dụng là 2,08/5 điểm tương ứng mức *Ảnh hưởng khá nhiều*).

Một bộ phận cán bộ và người dân có tư tưởng không muốn về đích NTM vì lo ngại bị cắt các quyền lợi, chế độ chính sách. Thực tế, một số địa phương đang “mất động lực” phấn đấu “về đích NTM” liên quan đến vấn đề chính sách hỗ trợ, quyền lợi của người dân. Sự thay đổi cơ chế chính sách này không tránh khỏi trở ngại cho việc xây dựng và phấn đấu về đích NTM của các xã ĐBKK (48,4% ý kiến của cán bộ cho là có trở ngại lớn và 38,5% cho là có trở ngại nhưng không đáng kể).

(4) Để các xã ĐBKK xây dựng NTM thành công cần có sự tổng hòa của nhiều yếu tố, bao gồm: Điều kiện kinh tế, thu nhập của người dân; Điều kiện tự nhiên và hạ tầng cơ sở; Sự huy động nội lực của cộng đồng; Trình độ dân trí, nhận thức của người dân; Vai trò của chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị - xã hội; Năng lực của cán bộ địa phương; Các chương trình, dự án được triển khai tại địa phương; Vai trò của người có uy tín trong cộng đồng. Trong đó, điều kiện kinh tế/ thu nhập của người dân và điều kiện tự nhiên, hạ tầng cơ sở là 2 yếu tố có sự ảnh hưởng lớn nhất và mang tính quyết định (điểm trung bình đánh

giá tương ứng là 1,67/5 điểm và 1,76/5 điểm tương ứng mức *Ảnh hưởng rất nhiều*). Kết quả này đồng nghĩa rằng, các xã ĐBKK cần tập trung vào mắt xích yếu nhất, cần tập trung nguồn lực để nâng cao thu nhập và hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng.

(5) Công tác xây dựng NTM của các xã ĐBKK tính đến nay được đội ngũ cán bộ và người dân đánh giá khá tốt (điểm trung bình là 3,58/5 điểm); ghi nhận những đổi thay tốt hơn so với khi chưa bắt đầu xây dựng NTM về: điều kiện CSHT, đời sống văn hóa - xã hội, môi trường, đời sống của nhân dân. Mục tiêu của chương trình xây dựng NTM là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tuy nhiên, theo đánh giá của đội ngũ cán bộ và người dân, đời sống kinh tế, thu nhập của người dân vẫn chưa có sự cải thiện rõ (có 41,6% người dân đánh giá là đời sống kinh tế dân cư không đổi). Nhìn chung, những kết quả xây dựng NTM tại các xã ĐBKK chưa hoàn toàn đáp ứng được kỳ vọng của cán bộ và người dân (có 88,5% cán bộ và 82,8% người dân cho rằng chương trình mới đáp ứng được phần nào).

(6) Những ý kiến, đánh giá của đội ngũ cán bộ và người dân cũng thẳng thắn nhìn nhận, chỉ ra các tồn tại, bất cập trong quá trình xây dựng NTM tại các địa phương như: một số tiêu chí đã đạt chuẩn nhưng chưa bền vững, chưa hiệu quả (như: quy hoạch, CSHT thương mại nông thôn, thủy lợi, môi trường và ATTP, an ninh - quốc phòng...); có sự áp đặt, mang tính hình thức trong triển khai chương trình (điểm trung bình là 2,85/5 điểm tương ứng mức *Trung bình*); vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước trong một bộ phận cán bộ và người dân - đây là “nút thắt khó mở nhất” (điểm trung bình là 3,21/5 điểm tương ứng mức *Trung bình*).

Các xã ĐBKK đang gặp rất nhiều khó khăn để hoàn thành được 19 tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn NTM (với 27,6% số ý kiến cho là rất khó khăn và 65,5% số ý kiến cho là khó khăn); trong đó các tiêu chí khó thực hiện nhất là về: thu nhập, hộ nghèo, lao động có việc làm, giao thông, CSHT thương mại nông thôn, nhà ở dân cư, môi trường và an toàn thực phẩm...

Tốp 5 khó khăn chính mà các địa phương này đang gặp phải khi thực hiện các tiêu chí xây dựng xã đạt chuẩn NTM gồm: tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo cao/khả cao; thiên tai bất thường gây thiệt hại lớn; thiếu kinh phí từ ngân sách; cơ sở hạ tầng thiếu, yếu kém; địa bàn rộng, dân cư sinh sống phân tán...

(7) Phần lớn đội ngũ cán bộ và người dân đồng ý với đề xuất tiếp tục duy trì các cơ chế chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi sau khi về đích NTM. Thời gian duy trì là từ 3 – 5 năm sau khi các xã này được công nhận đạt chuẩn NTM (tỷ lệ đồng ý tại xã đạt chuẩn NTM là 70,7% và tại xã chưa đạt chuẩn NTM là 71,2%).

(8) Sau gần 3 năm triển khai thực hiện các tiêu chí theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021 – 2025; quá trình triển khai tại các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi, một số tiêu chí/ nội dung rất khó thực hiện, không phù hợp thực tiễn cần được xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp hơn với đặc thù vùng miền. Đó là các chỉ tiêu liên quan đến các tiêu chí như: TC 6 Cơ sở vật chất văn hóa; TC 7 Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; TC 9 Nhà ở dân cư; TC 10 Thu nhập; TC 11 Hộ nghèo; TC 17 Môi trường và ATTP.

CHƯƠNG III

GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI CÁC XÃ ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TỈNH NGHỆ AN TRONG THỜI GIAN TỚI

Tổng hợp từ số liệu thứ cấp (các quyết định, văn bản, báo cáo..) và kết quả khảo sát dư luận trong đội ngũ cán bộ và người dân, các giải pháp đề xuất: điều chỉnh một số cơ chế chính sách và tập trung ưu tiên giải quyết những nội dung, tiêu chí khó khăn nhất trong thực hiện xây dựng NTM tại các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi của tỉnh.

3.1. Một số giải pháp thúc đẩy xây dựng nông thôn mới tại các xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Nghệ An trong thời gian tới

3.1.1. Giải pháp về xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới

- Xây dựng chính sách đặc thù cho các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi sau khi về đích NTM. Việc cắt giảm các chính sách nên chia theo mức độ và lộ trình giảm dần (không cắt hẳn, cắt đột ngột). Giữ nguyên các chính sách hỗ trợ (như: giáo dục, y tế, tín dụng ưu đãi, đất đai, hỗ trợ phát triển sản xuất, giao khoán bảo vệ rừng...) trong 5 năm để các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi sau khi về đích NTM tiếp tục củng cố các tiêu chí, ổn định mọi mặt đời sống kinh tế - xã hội - Đây có thể được xem là chính sách khuyến khích người dân tích cực tham gia xây dựng NTM.

- Xây dựng chính sách đặc thù cho các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi trong quá trình xây dựng NTM:

+ Tiếp tục cơ chế thu hút cán bộ tri thức trẻ, cán bộ chuyên môn kỹ thuật về công tác tại các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi;

+ Tăng chế độ phụ cấp cho cán bộ thôn, bản tương xứng với khối lượng công việc đảm nhận để đội ngũ này yên tâm công tác, làm việc có chất lượng và hiệu quả.

+ Tăng kinh phí hỗ trợ cho các hộ nhận khoán khoanh nuôi, bảo vệ rừng để người dân có thu nhập ổn định, phát triển các sản phẩm từ rừng.

+ Nghiên cứu, ban hành cơ chế chính sách ưu tiên riêng cho các thôn, bản xây dựng NTM.

3.1.2. Giải pháp về tuyên truyền nâng cao nhận thức, hiểu biết của người dân về xây dựng nông thôn mới và từng bước xóa bỏ tâm lý trông chờ, ỷ lại.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền, truyền thông tới mọi tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức về chủ trương, chính sách về xây dựng NTM. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện truyền thanh xã tới từng thôn, bản; thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng NTM trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng. Đồng thời, chú trọng công tác tuyên truyền theo hình thức thành lập các tổ tuyên vận “đến từng ngõ, rẽ từng nhà” để tuyên truyền tại chỗ cho người dân.

- Xem xét loại bỏ cách hỗ trợ dựa trên tiêu chí nghèo hoặc cận nghèo, để người dân tập trung hăng hái lao động sản xuất, thoát nghèo bền vững, từng bước xóa bỏ tư tưởng “nghèo” là bị mất chính sách hoặc xin vào hộ nghèo để được hưởng chính sách; rà soát, bãi bỏ chính sách hỗ trợ trực tiếp đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, bổ sung nguồn lực để thực hiện chính sách đầu tư hạ tầng thiết yếu, hạ tầng sản xuất, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo, góp phần tạo sinh kế, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

3.1.3. Giải pháp hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng nông thôn

- Ưu tiên nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cho các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi: xây dựng các tuyến đường giao thông, kết nối vùng sản xuất hàng hóa; các công trình nước sạch sinh hoạt; thủy lợi; trường học; nhà ở dân cư; nhà văn hóa và khu thể thao thôn, bản...

- Việc xây dựng cơ sở hạ tầng trong nông thôn mới cần ưu tiên cho các thôn, bản ĐBKK hơn là ở phạm vi cấp xã. Nội dung xây dựng hạ tầng thiết yếu cũng cần lựa chọn quy mô phù hợp với khả năng tham gia thực hiện của cộng đồng, để cộng đồng có thể cùng nhau bàn bạc, xây dựng phương án, tổ chức thi công... Việc lựa chọn các công trình từ nhỏ đến lớn, có sự tham gia trực tiếp của người dân, chính là quá trình hình thành sự tự tin và tinh thần hợp tác cho người dân trong cộng đồng thôn. Những công trình bên ngoài phạm vi thôn, bản cần có sự hỗ trợ, lồng ghép từ các chương trình, dự án có quy mô lớn hơn. Mặc dù chi phí cho một công trình ở cấp thôn, bản không lớn như ở cấp xã, nhưng việc vận chuyển nguyên vật liệu đến chân công trình ở các thôn, bản xa xôi, hẻo lánh lại khó khăn hơn rất nhiều.

3.1.4. Giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất, xây dựng các mô hình sinh kế, giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân.

- Trong các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất, đối tượng của các chương trình giảm nghèo cơ bản vẫn tập trung cho các hộ, nhóm hộ là người nghèo, còn đối tượng của nông thôn mới cần hướng vào những hộ có điều kiện và khả năng phát triển sản xuất, để các hộ này trở thành mô hình tiêu biểu, chứng minh được hiệu quả, gắn với thực hiện Chương trình OCOP, giúp các hộ khác thay đổi tư duy, tập quán sản xuất cũ để học tập và làm theo. Hình thức hỗ trợ kết hợp giữa việc cho các hộ khá giỏi đi thăm quan, học tập với hỗ trợ 100% lãi suất vay vốn ngân hàng thương mại và hỗ trợ vật tư đầu vào, hướng dẫn quy trình kỹ thuật, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Tận dụng tối đa những lợi thế về điều kiện tự nhiên, biến các khó khăn về điều kiện địa hình chia cắt, miền núi thành lợi thế để phát triển các hoạt động kinh tế đặc thù, độc đáo mà vùng đồng bằng không có được (cảnh quan hùng vĩ, tham quan nghỉ dưỡng, phát triển các loại nông đặc sản,...). Phát triển sản xuất nông nghiệp (trồng trọt, lâm nghiệp, dược liệu, chăn nuôi) quy mô vừa và lớn với những vùng có điều kiện phù hợp, hướng tới các loại đặc sản đặc thù, gắn với thực hiện chương trình OCOP; thực hiện chế biến tại chỗ theo quy mô phù hợp; phát triển du lịch nông thôn (tham quan nghỉ dưỡng, trải nghiệm nông nghiệp, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, đặc sản bản địa, cảnh quan đặc thù,...).

- Thúc đẩy mô hình liên kết, hợp tác sản xuất theo luật hợp tác xã, theo chuỗi giá trị, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ. Quan tâm phát triển các hợp tác xã có doanh nghiệp nhỏ là thành viên. Ưu tiên hỗ trợ các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh, đầu tư vào vùng DTTS và miền núi.

- Ưu tiên các dự án, mô hình phát triển kinh tế phát huy được lợi thế đất rừng. Phát triển kinh tế rừng để đón cơ hội bán tín chỉ carbon rừng và kinh tế dưới tán rừng;

- Phát huy các lợi thế sẵn có, thu hút đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp sơ chế, chế biến nông sản tại địa phương miền núi để tạo việc làm và thu nhập cho người dân. Trong đó, tập trung vào 3 yếu tố: hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; hạ tầng và nguồn nhân lực.

3.1.5. Giải pháp về đẩy mạnh chính sách hỗ trợ tín dụng

- Chính sách tín dụng tập trung vào cho vay phát triển sản xuất quy mô

lớn, nông nghiệp công nghệ cao, nuôi trồng, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị phục vụ xuất khẩu,...đặc biệt là bổ sung nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội để ưu tiên hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP, hỗ trợ áp dụng công nghệ chế biến vừa và nhỏ trong nông nghiệp, môi trường và nước sạch nông thôn.

- Ngành ngân hàng tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai, thực hiện các chương trình tín dụng chính sách đặc biệt ở các xã ĐBKK vùng DTTS và miền núi như: chính sách tín dụng khuyến khích người dân vay vốn xây dựng nông thôn mới; chính sách về các thành phần kinh tế (*kinh tế hộ gia đình, hợp tác xã, kinh tế nhà nước*); khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông thôn; chính sách an sinh xã hội; chính sách đào tạo nghề cho nông dân.

- Khuyến khích cho vay ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội. Ngân hàng Chính sách xã hội tăng định mức và giảm lãi suất cho vay để người dân có nguồn vốn đầu tư chăn nuôi, trồng trọt, xuất khẩu lao động để tăng thu nhập. Ưu tiên giảm lãi suất cho vay đối với những hộ thoát nghèo.

3.1.6. Giải pháp về huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

- Lồng ghép có hiệu quả giữa các chương trình, dự án tại vùng DTTS và miền núi ĐBKK. Ưu tiên lồng ghép kế hoạch vốn của 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi). Trong đó, cần thống nhất về cơ chế, nguyên tắc lồng ghép, cũng như tách bạch về các nội dung, đối tượng, phạm vi đầu tư, hỗ trợ.

- Huy động vốn đầu tư của doanh nghiệp đối với các công trình có khả năng thu hồi vốn trực tiếp; các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện của nhân dân; các khoản viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho các dự án đầu tư; các nguồn vốn tín dụng và các nguồn vốn hợp pháp khác.

3.1.7. Giải pháp xây dựng tiêu chí nông thôn mới ở thôn, bản vùng DTTS và miền núi đặc biệt khó khăn.

Xây dựng tiêu chí NTM ở thôn, bản vùng DTTS và miền núi ĐBKK cần hướng vào các nội dung về tổ chức cộng đồng hơn là những kết quả đầu ra như tiêu chí cấp xã. Các nội dung xây dựng NTM ở thôn, bản cần thực hiện trên cơ sở trao quyền lựa chọn và quyết định cho cộng đồng, thay cho việc xây dựng các tiêu chí theo từng hạng mục công trình hạ tầng, hay kết quả giảm nghèo, tăng thu nhập, nên thiết kế Bộ tiêu chí nông thôn mới theo hình thức tính điểm cho

khối lượng công việc hoàn thành để động viên, khen thưởng, nhất là với thôn, bản ĐBKK. Cách tính điểm mức độ hoàn thành theo từng năm là cơ sở để xét khen thưởng, tạo động lực thi đua cho các thôn, bản. Cách đánh giá sẽ theo hình thức “làm nhiều được thưởng nhiều, không làm được thì không hỗ trợ”. “Làm nhiều được thưởng nhiều” sẽ tính theo các chỉ tiêu về mức độ tham gia của cộng đồng (*số ngày công, số buổi họp, giá trị tài sản tham gia đóng góp,...*) và chỉ tiêu kết quả (*số công trình, hạng mục được hoàn thành, số hộ thoát nghèo, số hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức,...*); còn “không làm được thì không hỗ trợ” sẽ là việc quy định mức tham gia tối thiểu của cộng đồng trong thực hiện các nội dung của đề án, thôn, bản nào không thực hiện được sẽ chuyển phần kinh phí hỗ trợ cho thôn, bản khác.

3.1.8. Giải pháp khác

- Phát huy vai trò, nâng cao năng lực, động lực, quyền lực của Ban phát triển trong xây dựng nông thôn mới: Ban phát triển thôn là lực lượng đặc biệt quan trọng, gồm những người có uy tín, trách nhiệm, có năng lực tổ chức triển khai, do cộng đồng thôn trực tiếp bầu và Chủ tịch UBND xã có quyết định công nhận. Ban phát triển thôn vừa có vai trò tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân tham gia các hoạt động xây dựng nông thôn mới, vừa trực tiếp lãnh đạo cộng đồng tổ chức thực hiện các hoạt động xây dựng nông thôn mới ở thôn và đại diện cho cộng đồng dân cư tham gia ý kiến với cơ quan cấp trên, phát huy vai trò chủ thể của cộng đồng. Kết quả xây dựng nông thôn mới ở các thôn, bản giai đoạn vừa qua cho thấy, ở đâu có đội ngũ Ban phát triển nhiệt tình, gương mẫu, có năng lực, có sự đồng thuận cao, có tinh thần hi sinh vì cộng đồng, thì ở đó khơi dậy được sức mạnh tập thể của cộng đồng, đạt kết quả tốt trong xây dựng nông thôn mới.

- Lập và triển khai kế hoạch thôn, bản là công việc quan trọng cần được tổ chức thực hiện: Phát huy tổ chức cộng đồng, với 03 tiêu chí: (i) có Ban phát triển thôn, bản; (ii) có hương ước, quy ước; (iii) có kế hoạch phát triển thôn, bản. Hầu hết các thôn, bản chỉ đạt được 02 tiêu chí đầu, còn tiêu chí về có kế hoạch phát triển thôn hầu như ít địa phương thực hiện. Điều này cũng xuất phát từ thực tế năng lực của đội ngũ cán bộ thôn, bản còn hạn chế. Trong các hoạt động, mỗi cá nhân, gia đình hay tập thể đều phải có kế hoạch, thì mới thực hiện hiệu quả. Vì vậy, trong xây dựng nông thôn mới ở các thôn, bản trong thời gian tới, một mặt cần có tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch cho cán bộ thôn bản với các

nội dung cụ thể, rõ ràng, dễ đọc, dễ hiểu, dễ thực hiện, mặt khác, cần tăng cường tập huấn cho đội ngũ này để họ phát huy được vai trò, vị trí của mình trong lãnh đạo cộng đồng thực hiện các hoạt động phát triển.

3.2. Một số kiến nghị, đề xuất

- Đề nghị Trung ương tiếp tục gia hạn cơ chế đặc thù cho 27 xã biên giới của tỉnh Nghệ An theo Quyết định 61/QĐ-TTg ngày 12/1/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đề nghị Tỉnh rà soát, điều chỉnh, sửa đổi một số tiêu chí trong Bộ tiêu chí về xã Nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 áp dụng cho xã miền núi khu vực III trên quan điểm các tiêu chí áp dụng cho xã khu vực III phải thấp hơn vùng có điều kiện kinh tế phát triển. Cụ thể các tiêu chí: hộ nghèo, thu nhập, nhà ở dân cư, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, cơ sở vật chất văn hóa, môi trường và ATTP,....

- Đề nghị Tỉnh thành lập Tổ thẩm định để thẩm định lại kết quả xây dựng xã NTM tại các xã đã đạt chuẩn vốn là xã khu vực III (đạt chuẩn trong giai đoạn 2016 -2020). Nếu các tiêu chí đạt thì tiếp tục hướng dẫn thực hiện các tiêu chí nâng cao; nếu không đạt thì xóa danh hiệu để thành quả đúng thực chất.

- Đề nghị Tỉnh tiếp tục chỉ đạo thực hiện theo lộ trình: Các xã tiếp tục xây dựng từng tiêu chí “dễ trước, khó sau”, tiêu chí không cần đầu tư nhiều vốn làm trước và xây dựng tiêu chí nào thì chắc chắn tiêu chí đó, không nợ tiêu chí hoàn thành. Trước mắt tập trung nguồn lực xây dựng thôn, bản đạt chuẩn NTM./.

TRUNG TÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) Quyết định số 61/QĐ-TTg ngày 12/1/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới trên địa bàn 27 xã khu vực biên giới tỉnh Nghệ An, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng giai đoạn 2017- 2020;
- (2) Quyết định số 1719/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;
- (3) Quyết định số 90/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;
- (4) Quyết định số 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;
- (5) Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 30/7/2013 của Bộ Chính trị khóa XI về phương hướng, nhiệm vụ phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2020;
- (6) Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Đề án phát triển kinh tế - xã hội miền Tây tỉnh Nghệ An đến năm 2020 theo Quyết định số 2355/QĐ-TTg ngày 04/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ;
- (7) Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 10 năm 2010-2020; Báo cáo các năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023;
- (8) Chỉ thị số 17-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030;
- (9) Niên giám Thống kê các năm 2020, 2021, 2022;
- (10) Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 đầu năm 2023 trên <https://thongke.nghean.gov.vn...>

